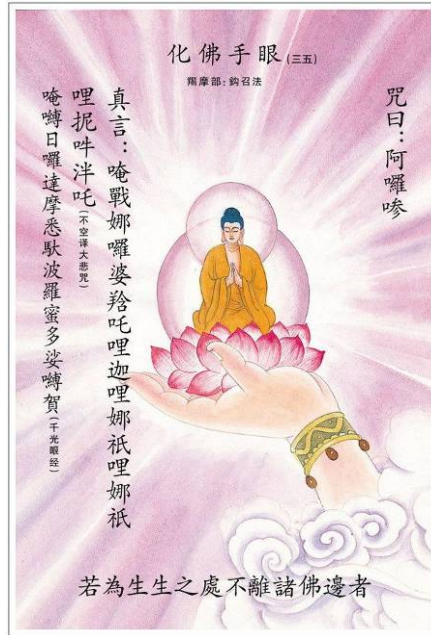


Ý NGHĨA CỦA 40 TAY TRONG 5 BỘ

I/ TÁM TAY THUỘC BỘ PHẬT

1. HÓA PHẬT THỦ (Tay hiện vị Hóa Phật)



Thiên Quang Nhân Kinh ghi là: ***“Nếu người muốn chẳng xa lìa và ở bên cạnh Đức Phật thì có thể tu pháp HÓA PHẬT THỦ. Trọng Bất Ly Quán Tự Tại có tướng tốt đẹp trang nghiêm như trên đã nói, chỉ đặt vị Hóa Phật trong lòng bàn tay trái, tay phải làm cái bàn tòa Hóa Phật”.***



Tượng Ấn là: Chắp hai tay lại giữa rỗng.

Chân Ngôn là: “**Ấn- Phộc nhật la đạt ma** (Kim Cương Pháp), **tất đà, ba la mật đa** (Thành tựu đạo bỉ ngạn), **sa phộc ha**”

ॐ वज्रदम सह परिसर

OM – VAJRA-DHARMA SIDDHA PĀRAMITA – SVĀHĀ.

Thiên Thủ Kinh ghi là: “*Nếu muốn tùy theo chỗ sinh, thường ở bên Phật, nên cầu nơi tay hiện Hóa Phật*”.

Chân Ngôn là: “**Ấn, chiến na ra ba hàm tra rị, ca rị na, chỉ rị na, chỉ rị nĩ hồng, phần tra**”

ॐ वज्र मन्त्रे करेण ग्रहे ऋ र्दे

OM (Quy mệnh) CANDRĀBHA-MANDALI (Nguyệt Quang Đạo Trường) KARĪṆA (làm cho vui thích) GRĪṆA GRĪṆI (chấp giữ, giữ lấy) HŪM (hộ khắp) PHAT (phá bại khắp)

Trên bàn tay đặt một vị Hóa Phật nên có tên là Hóa Phật Thủ. Đây là pháp Hữu Vi Hóa, nghĩa là ứng cơ liền hiện như bóng tùy hình. Do ngoài Tam Giới (3 cõi) chẳng có chúng sanh cho nên 3 thân Phật: **Pháp Thân** (Dharma-kāya), **Báo Thân** (Sambhoga-kāya), **Hoá Thân** (Nirmāṇa-kāya) cũng chẳng xa lìa Tam Giới. Lại nữa, vị Hoá Phật kết Định Ấn nhằm hiển thị cho nghĩa “*Mỗi một chúng sanh đều có thân vi diệu của Như Lai*”.

Nay Quán Thế Âm Bồ Tát dùng bản nguyện Từ Bi xông ướp Tam Muội “**Chư Phật hiện tiền**” nên mới hiện vị Hoá Phật trên bàn tay, hiển thị cho nghĩa “**Tất cả chúng sanh chẳng xa lìa Phật**”

Muốn thành tựu Pháp này, Hành Giả quán tưởng tượng tay ở trước vị Hoá Phật, tụng chú Đại Bi thì rốt ráo chẳng xa lìa Phật Đạo.

Như Kinh nói: “Nên biết người đó là TẠNG THÂN của Chư Phật, là nơi yêu mến của 90 ức hằng hà sa Phật vậy”.

2. QUYỀN SÁCH THỦ (Tay cầm sợi dây)



Thiên Quang Nhân Kinh ghi: “*Nếu muốn được an ổn, nên tu pháp Quyền Sách* (Pāśa: sợi dây). *Tượng Trì Sách Quán Tự Tại, tướng trí đẹp uy quang như trên đã nói, chỉ có tay phải nắm quyền đặt ở eo phải. Tay trái co cánh tay lại cầm sợi dây lụa*”.



Tượng Ân là: kết **Vị Phu Liên Hoa Ân** (Ân hoa sen chưa nở) hai ngón trở giữ nhau như cái vòng. Đây gọi là **Liên Hoa Sách** (Padma-pāsa) hay mãn các ý nguyện.

Chân Ngôn là: “**Ân, phộc nhật la đạt ma** (Kim Cương Pháp) **bát ná ma bá xả** (Liên Hoa Sách) **hông** (hộ khắp) **địa sắc tra** (phòng hộ, gia trì) **tát vông** (không có thể trái ngược) **ma hàm** (nơi tôi) **sa phộc ha**”

ॐ वज्रदम पद्मपद्म हूं म्(ॐ)ग म्(ॐ) म्(ॐ)

OM_ VAJRA-DHARMA PADMA-PĀSA HŪM_ ADHIṢṬITA SVAMĀM SVĀHĀ.

Thiên Thủ Kinh ghi là: “*Nếu có việc khuấy rối, muốn được an ổn, nên cầu nơi tay cầm sợi dây to*”

Chân Ngôn là: “**Ân, chỉ li, lã ra, mô nại ra, hông phần tra**”

ॐ (k)li (k)li [I] r̥a m̥a na ra hōng phān tra

OM (Cảnh giác) KILI KILI (găm chặt, giết chết) RA RA (Nội Trần, Ngoại Trần: Chướng ngại trong ngoài) RAUDRA (bạo nộ) HŪM (Khủng bố) PHAT (phá bại)

Quyển Sách (Pāsa) là sợi dây to dùng để quật ngã, bắt giữ các loài cầm thú hoặc cột trời những kẻ khó giáng phục. Vì thế các **Tôn Phẫn Nộ** (Krodha-nātha) hay giáng phục Ma ác đều cầm sợi dây này.

Quán Thế Âm Bồ Tát vì muốn trị phục cột trời các ác thú Tà Quỷ và kẻ khó giáng phục nên nói cầm sợi dây bí mật (Guhya-pāsa) mà giáng phục tất cả. Sự kiện này minh họa cho ý nghĩa “*Trừ khử sợ hãi khiến cho được an ổn*” do đó Quyển Sách biểu thị cho sự kết hộ thường dùng để cột trời điều ác khiến cho chẳng lay động và làm pháp Kết Giới bảo hộ bốn bên chung quanh.

.)Có 2 cách tu trì pháp này:

a)Khẩu nói: “**Sách là sợi dây màu trắng**”

Thiên Thủ Kinh ghi: “*Lấy sợi dây trắng trì chú 21 biến, thắt 21 gút buộc quanh đỉnh đầu thì trừ được sự khủng bố, ngoài ra cũng được Phước diệt tội*” .

b) Diệu ghi: “**Muốn thành tựu pháp này, dùng chỉ ngũ sắc làm sợi dây, mỗi mỗi kết thành Hoa Sen hay Tam Cổ, chú 12 biến buộc quanh đỉnh đầu, thường được an ổn**”

3. THÍ VÔ ÚY THỦ (Tay ban cho sự không sợ hãi)



_Thiên Quang Nhân Kinh ghi là: “**Nếu muốn lìa sợ hãi nên tu pháp Thí Vô Úy. Tượng Trừ Bồ Quán Tự Tại Bồ Tát, tướng tốt đẹp uy quang như trước không khác, chỉ duỗi 5 ngón tay phải hiển chưởng, tay trái duỗi 5 ngón nâng đặt ở trên vú trái hiển chưởng**”



Tượng Ấn là: Như tượng Tay Ấn ở tượng vẽ.

Chân Ngôn là: “**Án, phộc nhật la đạt ma** (Kim Cương Pháp) **tát phộc tha** (khắp kẻ khác) **nhĩ na nhĩ na** (thắng, năng thắng) **bội dã, năng xa na** (trừ khùng bố) **sa phộc ha**”.

ॐ वज्रधर्म सर्वथा जिन जिन भया नासाना

OM- VAJRA-DHARMA – SARVATHĀ JINA JINA- BHAYA NĀSANA-SVĀHĀ.

Thiên Thủ Kinh ghi là: “*Nếu muốn trừ tính ở tất cả chỗ sợ hãi không yên, nên cầu nơi tay Thí Vô Úy*”

Chân Ngôn là: “**Án, phạ nhật ra, năng dã, hồng phẩn tra**”

ॐ वज्रय हं रुद्र

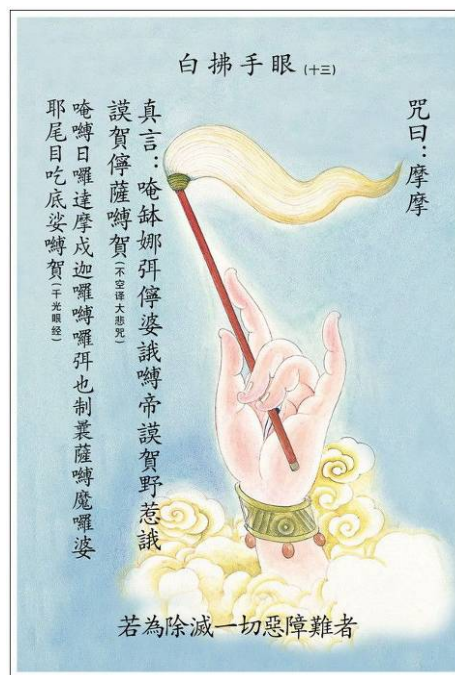
OM (Quy mệnh) VAJRA-NĀYA (Lý Thú Của Kim Cương) HŪM (Khùng bố) PHAT (phá bại)

Bàn tay rử xuống gọi là THÍ (Dāna) tức là nghĩa DŨ NGUYỆN (Varada). Do lòng bàn tay hướng ra ngoài nên gọi là **vô úy** (Abhaya). Như vậy Thí Vô Úy là tên của Án.

Khi gặp các sự sợ hãi do các loài Ly Mị ở núi, sông, khe, rạch.....gây não loạn. Hành Giả, tay phải kết Án Thí Vô Úy tụng Chú thì các Quỷ Thần sẽ bị cột trời và Hành Giả sẽ được an ổn.

Muốn thành tựu Pháp này, Hành Giả ở trước Bản Tôn, quán tưởng tượng tay, tụng Chú thì sẽ trừ được sự sợ hãi.

4. BẠCH PHÁT THỦ (Tay cầm cây phát trần trắng)



Thiên Quang Nhân Kinh ghi là: “*Nếu muốn giải thoát tất cả chướng nạn nên tu pháp BẠCH PHÁT. Tượng của tượng Phát Nạn Quán Tự Tại và sự trang nghiêm như trước không khác. Xong tay phải co cánh tay hướng lòng bàn tay ra ngoài, tay trái cầm cây phát trần trắng*”.



Tượng Ân là: Tay trái co cánh tay rũ các ngón xuống dưới, tụng Chú chuyển bên trái .

Chân Ngôn là: “**Ân, phộc nhật la đạt ma** (Kim Cương Pháp) **thú ca la, phộc la nhĩ dã chế năng** (phát trần trắng), **tát phộc ma la bà gia** (tất cả chướng nạn) **nhĩ mục khát để** (giải thoát) sa phộc ha”

ॐ वज्रधर्म सुक वलव्यजान सर्व मारय विमुक्ति स्वहा

OM- VAJRA-DHARMA ŚUKRA-VALAVYAJANA – SARVA MĀRA BHAYA, VIMUKTI – SVĀHĀ.

_Thiên Thủ Kinh ghi là: “*Nếu muốn trừ những chướng nạn bên thân, nên cầm nơi tay cầm cây phát trần trắng*”

Chân Ngôn là: “**Ân, bát na di nãnh, bà nga phộc đế, mô hạ dã, nhá nga, mô hạ nãnh, tát phạ ha**”

ॐ पद्मिनी भगवती मलय मलय सगमरुद्र स्वहा

OM (Quy mệnh) PADMINI BHAGAVATI (Liên Hoa Thế Tôn) MOHAYA JAG (câu triệu sự ngu si đăm mê) AMOHANI SVĀHĀ (Quyết định thành tựu sự không ngu si)

Bạch Phất (Śukra-valavyajana hay Śvete-valavyajana) là vật cầm ở tay trái của Quốc vương (Rāja) Trưởng Giả (Gṛhapati) dùng để đuổi muỗi mòng ...hoặc phủ các bụi dơ uest.

Bạch Phất được làm bằng các sợi tơ màu trắng biểu thị cho nghĩa Bạch Tịch (trắng sạch). Màu trắng là gốc của các màu tức là lý “**vốn chẳng sanh**” sợi tơ mang nghĩa “**trừ bỏ hoặc gìn giữ**” cho nên minh họa lý “**nhiểm tịnh bất nhị, chính tà bình đẳng**”. Như vậy, dùng Chân Lý này mà trừ các chướng nạn .

Quán Thế Âm Bồ Tát dùng bản nguyện Từ Bi xông ướp Tam Muội nên cầm cây Phát Trần trắng biểu thị cho nghĩa “**Phủ trừ tất cả chướng nạn cho chúng sanh**”

Muốn thành tựu pháp này, Hành Giả đặt cây phát trần trắng ở trước **BẢN TÔN**, quán tưởng tướng tay, tụng chú 108 biến, dùng phát trần chạm vào thân mình để phủ các bụi chướng, trừ các nạn chướng và đắc được Thể của **Chân Như** (Tāthatā).

Chân Ngôn là: “**Án, phộc nhật la đạt ma (Kim Cương Pháp) tát phộc mật ly thủy chỉ ca, tát phả, năng câu la (nguyên xà với chuột lang ...) tu xưng hạ (sư tử) vĩ dã già la (đại trùng) ly khát sa (con gấu) đả la ly khát sa (con Bi) giá mạc la nhĩ vĩ nga (cá Ma Kiệt) hồng (Niệm khùng bố) phát (phá hoại) sa phộc ha**”

ॐ वज्रधर्म सर्ववृक्षिण मय नकुल क्षर शृथ ऋषि नृषिषु
वमृषु ऋषि ऋषि ऋषि ऋषि

OM- VAJRA-DHARMA –SARVA VRŚCIKA (Bò Cạp) SARPA (Rắn) NAKULA (Chuột hoang, loài Chồn dừ) SIMHA (Sư Tử) VYĀGHRA (Cọp) RIKṢA (Gấu Heo) TARARIKṢA (Gấu Ngựa) CAMARA (Loài Trâu Yak) JIVAKA (Loài sống dưới nước) HŪM PHAT SVĀHĀ

Thiên Thủ Kinh ghi là: “**Nếu muốn xua đuổi cọp, báo, sài lang và tất cả thú ác, nên cầu nơi tay cầm cái Bànng Bài**”

Chân Ngôn là: “**Án, dược các sam năng na dã, chiến nại ra, đạt đậu bá rị dã, bạt xá, tát phạ ha**”

ॐ यक्ष नदय वज्रि वर परियपशि परि षट्

OM (Cảnh giác) YAKṢAM-NĀDĀYA (Âm giọng của hàng Dạ Xoa) CAṆḌARA (Bạo nộ) DHĀNU (Thành lập) PARIYAPĀŚA (Sợi dây thăng thượng) PĀŚA (Cột trời , bắt giữ) SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)

Bànng Bài là tấm bảng vẽ hình có khuôn mặt giận dữ, cau mày trợn mắt khiến cho người trông thấy đều sợ hãi trên Bànng Bài thường vẽ các hình Rồng, mặt Thần, mặt Quỷ xong phần nhiều là mặt Quỷ.

Quán Thế Âm Bồ Tát cầm Bànng Bài mặt Quỷ hiển thị cho nghĩa Kiến Bồ (nhìn thấy đều sợ hãi) nhằm trừ khử các loài cọp, sói , ác thú

6. PHỦ VIỆT THỦ (Tay cầm cây Búa lớn)



Thiên Quang Nhân Kinh ghi là: “**Nếu muốn lia nạn của Quan Quyền nên tu pháp Phủ Việt. Tượng Trấn nạn Quan Tự Tại, tướng tốt đẹp trang nghiêm như trước không khác. Xong tay phải cầm cây Búa lớn, tay phải nắm Quyền đặt ở eo**”.



Tướng Ấn là: Co tay phải như thế cầm Búa, dùng Ấn chuyển hồi .

Chân Ngôn là: “**Ấn, Phộc nhật la đạt ma (Kim Cương Pháp) phả la thú** (cây búa lớn) **la nhạ bà gia** (nạn vua chúa) **vĩ mục khát để** (giải thoát) **sa phộc hạ**”

ॐ वज्रधर्म पराशु राराभय विमुक्ते सह

OM- VAJRA-DHARMA PARAŚU – RĀJA-BHAYA VIMUKTE_ SVĀHĀ

_Thiên Thủ Kinh ghi là: “*Nếu muốn trong tất cả thời, tất cả chỗ, lia nạn Quan Quân vây bắt, nên cầu nơi tay cầm cây Búa lớn*”

Chân Ngôn là: “**Ấn, vị ra dā, vị ra dā, tát phạ ha**”

ॐ वीर्य वीर्य सह

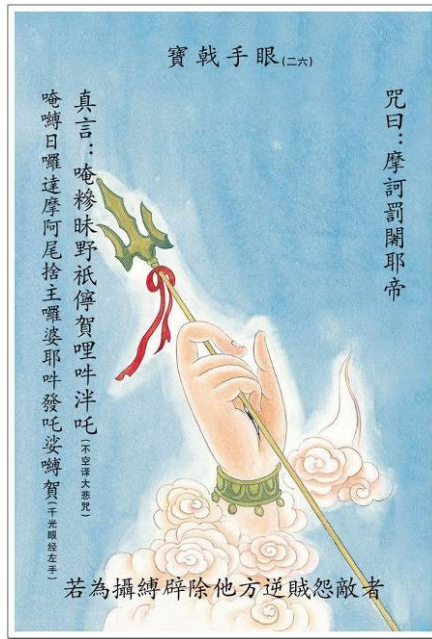
OM (Quy mệnh) VĪRAYA (đăng Tinh Tiên) VĪRAYA (Đăng anh dũng) SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)

Trong các nạn thì nạn quan quân là tối phiền não. **Phủ Việt** (Paraśu) là binh khí có sức mạnh để phá nạn quan binh, hoặc Phủ Việt là binh khí phá nát các vật khí tồi phá khác.

Quán Thế Âm Bồ Tát dùng Bản Nguyên Từ Bi cầm cây búa lớn biểu thị cho ý nghĩa phá nạn.

Muốn thành tựu pháp này, Hành giả đem cây Búa đặt trước Bản Tôn, tác tưởng niệm Chú, hướng cây búa về phía quân địch, rung động cây búa, liền được hòa bình.

7. KÍCH SAO THỦ (Tay cầm cây Kích búa)



_Thiên Quang Nhân Kinh ghi là: “Nếu có người râu nhiếp cột trời giặc cướp đổi nghịch , nên tu pháp kích sao. Tượng Phá Tặc Quán Tự Tại Bồ Tát, tướng tốt đẹp như trước không khác, chỉ đưa tay trái lên trên cầm thân của cây kích dài, tay phải mở bung đè lên eo phải”.



Tượng Ân là: Tay trái kết Tam Cổ Ân đưa dài lên trên, quyền phải đặt ở eo

Chân Ngôn là: “**Án, phộc nhật la đạt ma** (Kim Cương Pháp) **A vĩ xã** (thu nhiếp, cột trời) **chủ la bà gia** (nạn giặc cướp) **hồng phần tra**” .

ॐ वज्रधर्म मयि नरै हरे हरे

OM- VAJRA-DHARMA – AVISA CORA-BHAYA – HŪM PHAT – SVĀHĀ.

Thiên Thủ Kinh ghi là: “**Nếu muốn xua đuổi giặc nghịch ở phương khác đến nên cầu ở tay cầm cây kích báu**”

Chân Ngôn là: “**Án, thắm muội dã chỉ nãnh, hạ rị, hồng phần tra**”

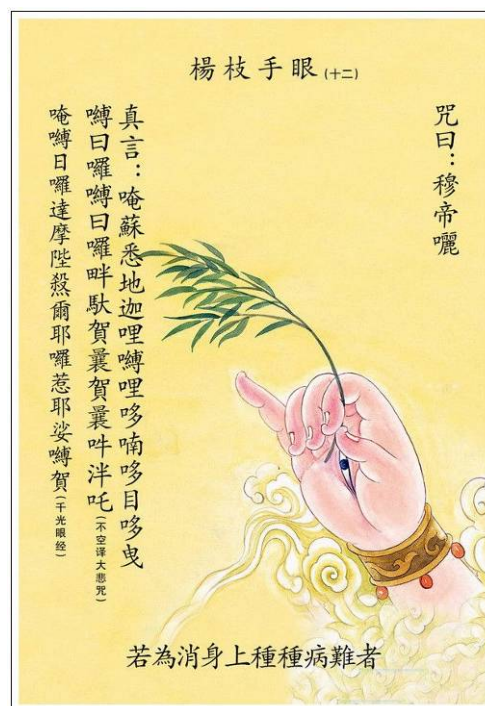
ॐ सम्यग्नि हरे हरे

OM (Quy mệnh) SAMAYA AGNI (ngọn lửa bình đẳng) HĀRE (thâu nhiếp) HŪM (khủng bố) PHAT (phá bại)

Kích sao là binh khí có cái cán dài **1 trượng 6 thước** (16/3m). Kích đó có 1 chia thẳng, hai bên đều có ngành chia cong. Hoặc mũi kích có hình 3 chia như mũi tên.

Hành Giả đặt đứng cây kích trước Bản Tôn, tụng Chú thì bên trong phá được giặc phiền não và bên ngoài giáng phục được ba giặc là: giặc vua chúa, giặc oán địch, giặc trộm cướp.

8. DƯƠNG LIỄU CHI THỦ (Tay cầm nhánh Dương Liễu)



Thiên Quang Nhãn Kinh ghi là: “**Nếu muốn tiêu trừ mọi bệnh trên thân, nên tu pháp thuốc của hành Dương Liễu. Tụng Dược Vương Quán Tự Tại, tướng tốt đẹp trang nghiêm như trước. Chỉ có tay phải cầm nhánh Dương Liễu, tay trái hiển chưởng đặt trên vú**”



Tượng Ấn là: Tay phải co cánh tay, buông các ngón rữ xuống.

Chân Ngôn là: “**Ấn, phộc nhật la đạt ma (Kim Cương Pháp) bệ sái nhĩ gia (thuốc) la nhạ gia (hàng vua chúa) sa phộc hạ**”.

ॐ वज्रधर्मै बहिसैय्या राज्या स्वहा

OM – VAJRA-DHARMA – BHAIṢAIJYA-RĀJĀYA – SVĀHĀ.

Thiên Thủ Kinh ghi là: “*Nếu muốn trị các thứ bệnh trên thân, nên cầm nơi tay cầm nhánh Dương Liễu*”

Chân Ngôn là: “**Ấn, tô tất địa, ca rị, phạ rị đa nẫm, đa mục đa duệ, phộc nhật la bạt đà, hạ nằng hạ nằng, hồng phẩn tra**”

ॐ सुसिद्धिकरि वज्रसंज्ञाय वज्रवत् कृत् कृत् ॐ कुरु

OM– (Quy mệnh) SUSIDDHI KARI (tác diệu thành tựu) VARDHANĀM SAMUKTĀYE (tăng trưởng thiện giải thoát) VAJRA-BANDHA (Kim Cương Phộc) HANA HANA (thieu đốt, đốt cháy) HŪM (Hộ khắp) PHAT (phá bại)

Dương Liễu là một loại cây mọc cạnh bờ ao hay bờ nước tắm rửa nên lá liễu hay sanh ra nước mát mẽ. Do đó Dương Liễu biểu thị cho loại thuốc lá mát mẽ (lương dược) dùng để trừ nhiệt ác.

Quán Thế Âm Bồ Tát dùng bản nguyện Từ Bi xông ướp Thụ Vương (cây vua) nên cầm nhánh Dương Liễu tẩy rửa các bệnh trên thân của chúng sanh khiến cho họ mạnh khoẻ.

Bệnh thường có ba loại bệnh là: bệnh do nghiệp báo, bệnh do bốn Đại chướng hòa, bệnh do Quỷ Thần gây ra.

Khi bị Tỳ Xá Na Uy Quỷ gây bệnh thì Quán Thế Âm Bồ Tát dùng nước sạch rửa cành Dương Liễu vẩy lên thân, trừ tất cả các bệnh nhiệt (nóng bức, sốt) khiến cho thân được mát mẽ.

-SAO ghi: Dùng Nhánh Dương Liễu chú 108 biến hòa với nước đem tắm rửa thân thể thì trừ được 444 bệnh (KHẨU ghi là trừ 404 bệnh)

-TẬP KINH ghi: Tất cả bệnh Quỷ đều dùng Dương Liễu màu xanh .

Thiền Quang Nhaõn Kinh ghi laø: “ *Neáu muoán ñaáp naút oaùn ñòch , neân tu phaùp Kim Cöông Xöu (Ñoäc Coä Kim Cöông)-Töông Trì Xöu Quaùn Töi Taiï , töông toát ñeïp trang nghiêâm nhö trên ñaõ nouï , chæ coù tay traui naém quyèàn ñaët ôu eo , tay phaui caàm chaøy Ñoäc Coä ñaët ôu loâng maøy nhö theá ñaáp ñaunh .*



Tướng Ấn là: Tay phải nắm quyền, duỗi ngón trở dùng Ấn tác thế đập nát .
 Chân Ngôn là: “**Ấn, ngọt ly (chủng tử) phộc nhật la bá ninh (Trì Kim Cương) tác phộc thiết đốt lỗ (tất cả oán địch) sa phá tra (phá hoại) sa phộc hạ**”.

ॐ ह्रीं वज्रपद्म स्र्त्रिफु सुह्र सुह्र

OM – HRĪH- VAJRA-PĀṆĪ – SARVA ŚATRŪ SPHAṬ – SVĀHĀ.

Thiền Thủ Kinh ghi là: “ *Nếu muốn hàng phục tất cả oán giặc nên cầu nơi tay cầm chày Kim Cương*”

Chân Ngôn là : “**Ấn, phá nhật ra chỉ nãnh, , bát ra nễ bát đa dã, tát phá ha**”

ॐ वज्र मय प्रदीपय सुह्र

OM (cảnh giác) VAJRA-AGNI (Ngọn lửa Kim Cương) PRADĪPTAYA (cháy đỏ rực rỡ) SVĀHĀ (Viên mãn tốt lành)

Kim Cương Xử là cái chày vồ bằng đá, gọi là Độc Cổ Xử biểu thị cho nghĩa **tội phá**. Vua Trời Đế Thích cầm chày Kim Cương là khí tượng đẩy lui Quỷ Chướng dùng phá nát oán địch .

Bồ Tát Quán Thế Âm dùng Bản Nguyên Từ Bi cầm chày Độc Cổ biểu thị cho nghĩa tội phục tất cả oán địch .

Hành Giả dùng bạc, đồng ... làm chày Độc Cổ, tụng Chú hướng về phương oán địch, hiển thế phá thì sẽ trừ được oán đối .

3. BẢO KIẾM THỦ (Tay cầm cây kiếm báu)



_Thiên Quang Nhân Kinh ghi là: “**Nếu muốn giáng phục Vọng Lượng Quỷ Thần, nên tu pháp Kiếm Báu. Tượng Bảo Kiếm Quán Tự Tại, tướng tốt đẹp trang nghiêm như trên không sai khác, chỉ có tay phải cầm cây kiếm hợp chắc, tay trái đặt trên eo, đem ngón cái đè lên móng của Địa, Thủy (ngón út, ngón vô danh) kèm cứng Hỏa Phong (ngón giữa, ngón trỏ) hướng Ấn đó về thân để an**” .



Tướng Ấn là: Tay phải, ngón cái đè lên hai móng Địa Thủy (ngón út, ngón vô danh) kèm chắc Hỏa Phong (ngón giữa, ngón trỏ) liền thành

Chân Ngôn là: “**Án, phộc nhật la đạt ma (Kim Cương Pháp) kiệt nga (cây kiếm) tát phộc lam la ha (tất cả quỷ) tát bà tra (phá hoại) sa phộc hạ**”

ॐ वज्रधर्म इत्येतन्महासंघस्य सर्वग्राहकस्वामिः

OM – VAJRA-DHARMA – KHADGA – SARVA GRAHĀ SPHAṬ SVĀHĀ.

Thiên Thủ Kinh ghi là: “**Muốn hàng phục các Quỷ Thần, Vọng Lượng nên cầu nơi tay cầm cây Kiếm báu**”

Chân Ngôn là: “**Án, đế thế, đế nhạ, đồ vĩ, nãnh đồ đề, sa hà dã, hồng phần tra**”.

ॐ गुरु गुरु वर वर मय रू रू

OM (Cảnh giác) TEJA (Uy đức trừ Ma) TEJA (uy quang Kết Giới) DHUVI (tóm lấy, bắt lấy) NIDHUTI SĀDHAYA (Nghỉ Thức không cho tan rã) HŪM (hộ khắp) PHAṬ (phá bại)

Kiểm hay Gươm (KHADGA) là lợi khí dùng để chinh chiến phòng ngự. **Bát Động Minh Vương** (Acala-vidya-rāja) dùng cây kiếm báu giáng phục 4 Ma. Đại Thánh **Cát Tường** (Maṃjuśrī) dùng Tuệ Kiếm vào Tam Muội “**Phá hoại chúng Ma**”

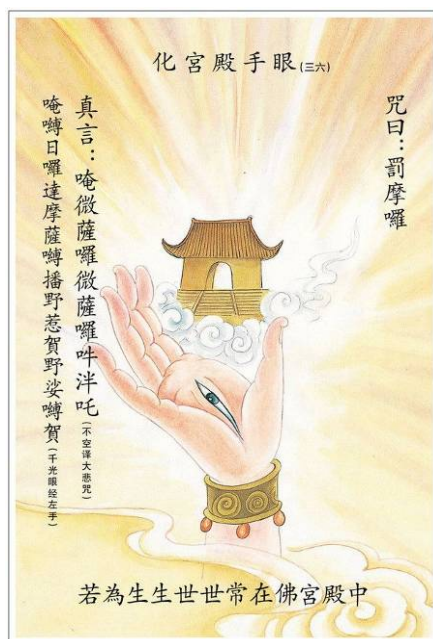
Bồ Tát Quán Thế Âm dùng Bản Nguyện Từ Bi cầm cây Kiếm Báu biểu thị cho nghĩa thắng tất cả Quỷ Thần .

Cây kiếm này dùng 2 châu làm cán cầm, lửa nóng vây quanh biểu thị cho nghĩa trừ Ma kết Giới. Lại nữa Kiếm biểu thị cho Trí Tuệ hay cắt đứt tất cả phiền não cho nên trừ Nội Chướng .

Tóm lại, cây kiếm này: Bên ngoài trừ Ác Quỷ, Vọng Lượng (Yêu Quái ở sông núi), bên trong cắt đứt Nội Chướng .

Muốn thành tựu pháp này, Hành Giả làm cây kiếm đặt trước Bản Tôn, tác niệm tụng Chú. Sau đó lấy cây kiếm, chú vào 21 biến chuyển bên trái 3 vòng để Tịch Trừ các Quỷ Thần rồi chuyển bên phải vạch đất làm Giới, thả đều thành tựu.

4.CUNG ĐIỆN THỦ (Tay hiện hóa Cung Điện)



_Thiên Quang Nhân Kinh ghi là: “Nếu muốn chẳng thọ thân trong bào thai nên tác pháp Cung Điện. Tượng Đại Thế Quán Tự Tại, tướng tốt đẹp uy quang như trước đã nói. Xong tay trái cầm cái hình Cung Điện, tay phải co cánh tay hướng ra ngoài hiển chướng”.



Tượng Ấn là: Hai tay cài chéo nhau bên trong, dựng đứng hai ngón giữa, co như hình cái Điện .

Chân Ngôn là: “**Án, phộc nhật la đạt ma (Kim Cương Pháp) tát phộc bá dã nhạ hạ dã** (hoại tất cả nẻo ác) **sa phộc hạ**”.

ॐ वज्रधर्मसर्वभयक्षयकराय नमः

OM_ VAJRA-DHARMA (quy mệnh Kim Cương Pháp) SARVA APĀYA (tất cả đời chuyển) JAHĀYA (lòng tự phụ kiêu căng là nhân thọ nhận thân trong bào thai) SVĀHĀ (quyết định thành tựu)

_Thiên Thủ Kinh ghi là: “Nếu muốn đời đời, kiếp kiếp ở trong cung điện Phật, không thọ sanh ở bào thai, nên cầu nơi tay hiện hóa Cung Điện”

Chân Ngôn là: “**Án vi tát ra, vi tát ra, hồng phẩn tra**”

ॐ विसर्ज विसर्ज हूँ क्लृप्त

OM (Cảnh giác) VISARA (sự tàn sát) VISARA (xé nát) HŪM (khủng bố) PHAT (phá bại)

Cung Điện là nơi trú ngụ của Người và Trời. Nếu dùng Cung Điện Thế Gian dâng cúng Đức Phật thì sẽ được trú ngụ trong cung điện Phật.

Bồ Tát Quán Thế Âm dùng Bản Nguyên Từ Bi hiện hóa Cung Điện, bên trong Điện đặt một vị Hóa Phật để thờ phượng, sự này biểu thị cho nơi Quy Y của người Trì Chú. Hành Giả làm hình Cung Điện, đặt hình vị Hóa Phật bên trong Điện rồi đặt trước Bản Tôn, trì Chú thì đời đời thường sanh trong Cung Điện Phật, chẳng sanh trong bào thai. Như Kinh nói: **“Hoa Sen hóa thân, chẳng thọ thân trong bào thai”**

5. KIM LUÂN THỦ (Tay cầm bánh xe vàng)



_Thiên Quang Nhân Kinh ghi là: **“Nếu vì tâm Bồ Đề chẳng thoái chuyển, nên tu pháp Bất Chuyển Luân. Tượng Bất Chuyển Quán Tự Tại Bồ Tát, tướng tốt đẹp trang nghiêm như trước nói không khác. Xong tay phải cầm Kim Luân (bánh xe vàng) tay trái ấn tòa ngồi làm thế bất động”**.



Tượng Ân là: Tay trái án mặt đất, tay phải nắm Quyên dụng Phong (ngón trỏ) và Không (ngón cái) như thể cầm bánh xe.

Chân Ngôn là: “**Án, phộc nhật la đạt ma (Kim Cương Pháp) tát đà bồ địa chất đả** (thành tựu Tâm Bồ Đề) **phộc lật na chước khát la (Kim Luân) A tát noa** (không có lay động) **sa phộc hạ**”

ॐ वज्रधर्म (सिद्ध वज्रधर्म सुवर्णचक्र मन्त्र) ह्रस्व

OM VAJRA-DHARMA – SIDDHA BODHI-CITTA – SURVAṆA-CAKRA
ACALA – SVĀHĀ.

Thiên Thủ Kinh ghi là: “**Nếu muốn thân này cho đến thân thành Phật, Tâm Bồ Đề thường không lui sụt, nên cầu nơi tay Bất Thoái Kim Luân**”

-Chân Ngôn là: “**Án, thiết na di tả, tát phạ ha**”.

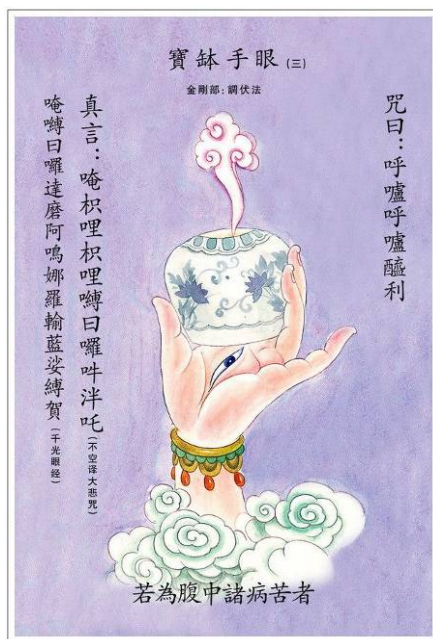
ॐ (अन मयु ह्रस्व

OM (Nhiếp triệu) SINA (cung cấp, bồi dưỡng trau dồi Trí Tuệ) MEṢYA (chúng tôi) SVĀHĀ (quyết định thành tựu)

Kim Luân là bánh xe có tám cãm biểu thị cho sự luân chuyển sanh tử. Bồ Tát Quán Thế Âm cầm Kim Luân khiến cho nó chẳng lay động nhằm biểu thị cho nghĩa: phát Tâm Bồ Đề, được bất thoái chuyển và trừ dứt nghiệp luân hồi

Hành Giả làm bánh xe 8 cãm, đặt trước Bản Tôn, tụng Chú sẽ trừ được nghiệp luân hồi, phát Tâm Bồ Đề khiến chẳng động chuyển.

6. BẢO BÁT THỦ (Tay cầm bình Bát báu)



Thiên Quang Nhân Kinh ghi là: “**Nếu muốn trị bệnh trong bụng, có thể tu pháp Bát báu. Nên vẽ Tượng Bảo Bát Quán Tự Tại Bồ Tát, tượng đó tướng tốt đẹp trang nghiêm như trước nói. Xong 3 tay để ngang rón cầm Bình Bát báu, liền thành**”.



Tượng Ấn là: Lý Trí (tay trái và tay phải) kết Ấn Nhập Định
 Chân Ngôn là: “**Án, phộc nhật la đạt ma** (Kim Cương Pháp), **A ô ná la thâu lam** (có bệnh trong bụng) **sa phộc hạ**”.

ॐ वज्रधर्म ऋ उदर सुलाम स्वहा

OM- VAJRA-DHARMA – A UDARA-SULAM _ SVĀHĀ.

_Thiên Thủ Kinh ghi là: “*Nếu muốn trị các Chướng Bệnh trong bụng nên cầu nơi tay cầm cái Bát Báu*”

Chân Ngôn là “ **Án, chỉ rị chỉ rị, phạ nhật ra, hồng phẩn tra**”

ॐ किलि किलि वज्र ह्रु वज्र

OM (Nhiếp triệu) KILI (giết chết Nội Bệnh) KILI (giết chết Nghiệp Bệnh) VAJRA (Kim Cương) HŪM (khủng bố) PHAT (phá bại)

Bình Bát (Patra) là vật tròn trịa dùng chứa thực phẩm. Các vị Khất Sĩ thường ôm Bình Bát đi xin thức ăn để trừ đói bụng. Riêng cái Bát Báu của chư Phật ba đời có hình tròn trịa, biểu thị cho nghĩa KHÔNG (Śūnya:Trống rỗng) tức là sự vô ngại, Bát chứa đầy thực phẩm biểu thị cho nghĩa “**Bình phục hay che ngăn mọi bệnh**”. Do Uy Đức này mà Đức Phật Thích Ca thường đem cơm trong Bát của mình để trị các bệnh trong bụng cho chúng Tỳ Kheo.

Bồ Tát Quán Thế Âm dùng Bản Nguyên Từ Bi cầm giữ cái Bát Báu của chư Phật ba đời, bỏ các thực phẩm thuốc men vi diệu vào Bát để ban phát cho chúng sanh nhằm chữa trị các bệnh trong thân tâm của họ.

BỆNH có 2 loại là: Nội Bệnh và Ngoại Bệnh

. NỘI BỆNH: Là nghiệp bệnh thường nói là các bệnh trong bụng, bệnh nóng lạnh của thân tâm, bệnh vì bốn đại tăng giảm.

Phạm nóng bức trong bệnh tức là nghiệp tà của đời trước phát khởi cho nên dùng CHÍNH trị TÀ nghĩa là dùng Bát Báu mà chữa trị .

Nếu cho nước, thức ăn, hương liệu, thuốc men ...vào trong cái Bát đặt trước Bản Tôn, tụng Chú 108 biến . Sau đó ăn uống vào thì trừ được các bệnh trong bụng và sống lâu ... Ngoài ra còn trừ được Tâm bệnh.

. NGOẠI BỆNH: Là các bệnh do Quỷ ác, Vọng Lượng ... gây ra nên dùng tay cầm nhánh Dương Liễu chữa trị .

7. NHẬT TINH MA NI THỦ (Tay cầm Nhật Tinh Ma Ni)



_Thiên Quang Nhân ghi là: **“Nếu người mắt mờ cầu ánh sáng, có thể tu pháp Nhật Tinh Ma Ni. Tượng Nhật Tinh Quán Tự Tại Bồ Tát, tướng tốt đẹp trang nghiêm như trên đã nói, chỉ có tay trái cầm hỏa Pha Lê (nhật tinh) trên bàn tay, tay phải ngửa lòng bàn tay đặt ở trái tim”**.



Tướng Ấn là: Nâng tay Định (tay trái) làm thế nhận mặt trời, quán trong mắt của Tướng Ấn là: có chữ (𑀘: MA) trong mắt phải, (𑀉: T) trong mắt trái. Nếu muốn được **Thiên Nhân** (Devya Cakṣu) quán ngay giữa hai lông mày có một con mắt.

Chân Ngôn là: “**Ấn, phộc nhật la đạt ma** (Kim Cương Pháp) **A nhĩ địa gia** (mặt trời) **nhập phộc la** (quang minh) **nhĩ khát sĩ** (con mắt) **sa phộc hạ**” .

ॐ वज्रदमि म्मरु ज्वालकसु स्वहा

OM_ VAJRA-DHARMA – ĀDITYA-JVALA-CAKṢU – SVĀHĀ.

Thiên Thủ Kinh ghi là: “*Nếu muốn trị bệnh mắt mờ không thấy ánh sáng, nên cầu nơi tay cầm Nhật Tinh Ma Ni*”

Chân Ngôn là: “**Ấn, độ tử ca dã, độ tử, bát ra phạ rị nãnh, tát phạ ha**”.

ॐ वृषभेय वृष सुवर्ण सुद

OM (Quy mệnh) DHUPE-KĀYA (nhiệt năng thân: Thân có sức nóng) DHUPE PRAVARṆA (màu sắc trắng thượng của nhiệt năng) SVĀHĀ (quyết định thành tựu)

Nhật Tinh Ma Ni là cung điện của **Nhật Thiên Tử** (Āditya-devaputra) là chỗ thành của Hỏa Châu (viên ngọc lửa) nên nói là Nhật Luân (mặt trời)

Do mặt trời hay phóng tỏa ánh sáng, xua đuổi sự tối tăm và đem lại sự ấm áp cho vạn vật, nên Nhật Tinh Ma Ni biểu thị cho nghĩa “**Trừ ám biến minh**”

Lại nữa trong Nhật Luân đồ (hình vẽ mặt trời) có vẽ một con quạ 3 chân nhằm biểu thị cho nghĩa “**Trong phiền não biểu hiện Bồ Đề**”.

*Nhật Luân có nghĩa là LÝ TÍNH, màu của LÝ là màu vàng nên mặt trời còn gọi là Kim Ô (con quạ vàng)

*Con quạ là THAM Ô (con quạ tham lam). Thế của trái châu là ÁC Ô (con quạ ác). Nay dùng 3 chân của quạ để biểu thị ý nghĩa 3 độc phiền não.

Như vậy con quạ 3 chân ở trong mặt trời biểu hiện cho nghĩa “ ở trên phiền não biểu hiện LÝ TÍNH” hay là “**phiền não tức Bồ Đề**”

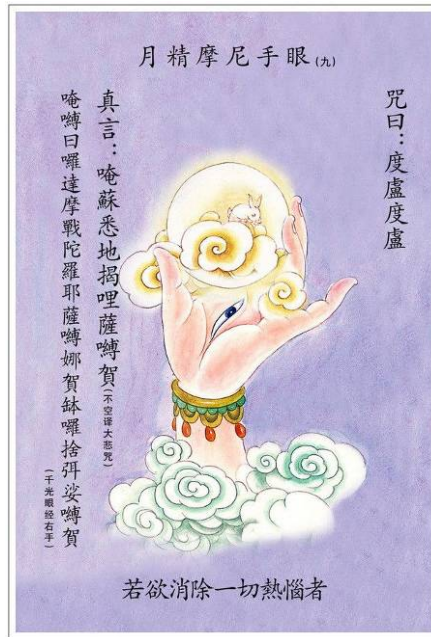
-Tứ Diệu Kinh ghi: TINH của DƯỠNG hóa làm mặt trời, TINH của mặt trời hóa làm trái châu nên gọi là **Ma Ni** (Maṇi). Trong kiếp sơ, tự thân con người phát ra ánh sáng và phi hành tự tại, dần dần do ăn uống mà mất ánh sáng cho nên tuy có 2 mắt nhưng chẳng thấy màu sắc của sự vật. Lúc đó Quán Thế Âm Bồ Tát hóa làm Nhật Thiên Tử phóng tỏa ánh sáng chiếu soi các ám.

-Có Thuyết cho rằng: “Chỉ dùng Hỏa Châu làm Nhật Tinh Ma Ni mà chẳng cần phải làm Nhật Luân. Do châu này hấp thụ được ánh sáng mặt trời lại tự phóng tỏa ánh sáng nên có tên là Nhật Châu. Như Tam Tạng Sư nói: “Có một pháp bí mật nên dựa vào Pháp này tu học. Nếu mắt mắt người sẽ được MINH NHÃN, ấy là nhiếp Tâm quán Bản Tôn cầm một trái NHẬT CHÂU trên tay, phóng tỏa ánh sáng, dần dần tăng trưởng chiếu vào TƯỚNG ẤN sẽ khai mở TÂM NHÃN thành tựu MINH NHÃN.

Bồ Tát Quán Thế Âm Bồ Tát dùng bản nguyện Từ Bi hóa làm Nhật Thiên Tử cư ngụ tại cung điện Hỏa Tinh, trừ bệnh mắt mờ cho tất cả chúng sanh và hiển thị ý nghĩa “ **Trừ ám biến minh**”

Muốn thành tựu Pháp này, Hành Giả hướng về mặt trời làm lễ, quán niệm mọi tướng tốt của Quán Tự Tại Bồ Tát, tụng Chú tức được mắt sáng, trừ các Ám.

8. NGUYỆT TINH MA NI THỦ (Tay cầm Nguyệt Tinh Ma Ni)



Thiên Quang Nhân Kinh ghi là: “*Muốn tiêu trừ các nhiệt não nên tu pháp Nguyệt Tinh Ma Ni. Tượng Nguyệt Tinh Quán Tự Tại, tướng tốt đẹp trang nghiêm như trên đã nói, chỉ có tay phải mở lòng bàn tay cầm Thủy Pha Lê, tay trái duỗi 5 ngón làm thế xoa thân*”.



Thiên Quang Nhân Kinh ghi là: “*Nếu muốn được tài bảo giàu có nên tu pháp Ma Ni (tay Như Ý Châu). Muốn tu Pháp này, tắm gội sạch sẽ, lấy vải trắng sạch hoặc giấy hay lụa làm Ma Ni (Maṇi) và nguyện trước Tượng Quán Tự Tại Bồ Tát. Tượng ấy có thân thể màu vàng ròng, đỉnh đầu có 11 mặt, 3 mặt trước là tướng Bồ Tát, 3 mặt bên phải là tướng lộ nanh trán, 3 mặt bên trái là tướng phần nộ, 1 mặt sau là tướng cười vui, 1 mặt trên đỉnh là tướng Như Lai. Mặt chính của Bồ Tát có 2 mắt, khoác áo cà sa, đeo vòng anh lạc ... trang nghiêm diệu thể. Bồ Tát ngồi theo thế Bán Già, chân phải đè lên chân trái, ngồi trên tòa sen Hồng ở trong vành trăng.*

25 vị Bồ Tát lúc trước và hình của 1000 vị Bồ Tát sở hiện đều giống nhau không sai khác, chỉ tùy theo điều nguyện cầu mà cầm giữ vật báu, đem đến cho.

Nay Dữ Nguyện Quán Tự Tại bồ Tát, tay trái đặt ngang trái tim cầm Ma Ni, hình trạng trái châu màu lưu ly, ánh sáng vàng và phát ra ánh lửa. Tay phải kết Dữ Nguyện Khế, co cánh tay hướng lên trên. Vẽ tượng như vậy xong, đặt ở nơi thanh tịnh, lễ bái, cúng dường, tác Pháp, niệm tụng”.



Tượng Ấn là: 2 tay buộc chặt, Tiến Lực (2 ngón trỏ) làm hình Ma Ni, Thiên Trí (2 ngón cái) kèm duỗi thẳng đứng liền thành tự.

Chân Ngôn là: “**Án, phộc nhật la đạt ma (Kim Cương Pháp) chấn đa ma ni (Như Ý Châu) nhập phộc la (quang minh) phộc la ni (Dữ Nguyện) sa phộc hạ**”

ॐ वज्रधर्म सिद्धिं कुरु ॥ ॐ ह्रीं ॥ ॐ

OM- VAJRA-DHARMA CINTĀMAṆI-JVALA VARAṆI SVĀHĀ.

-Thiên Thủ Kinh ghi là: “*Nếu chúng sanh nào muốn được giàu lớn, có nhiều thứ châu báu đồ dùng, nên cầu nơi tay cầm châu Như Ý*”.



Tướng Ấn là: Kim Cương Hợp Chưởng.

Chân Ngôn là: “**Án, phộc nhật la đạt ma (Kim Cương Pháp) kiến tra đà ma sa** (cây cung) **A bát la để ha đa gia** (không có chướng ngại) **tam ma địa, sa phộc ha**”

ॐ वज्रधर्म केतु धण्डसि अप्रतिहतया समधि

OM VAJRA-DHARMA KETI-DHANḌASI APRATIHAṬĀYA SAMĀDHI – SVĀHĀ.

_Thiên Thủ Kinh ghi là: “**Nếu muốn làm Quan lên Chức, nên cầu nơi tay cầm Cung báu**”

Chân Ngôn là: “**Án, A tả vĩ lệ, ta phạ ha**”.

ॐ अक विले हा

OM (Cảnh giác) ACCHA VĪRE (luôn luôn tinh tiến) SVĀHĀ (quyết định thành tựu)

Cây cung là một binh khí dùng để phòng địch, trong đời người thì thân danh là quan trọng nên cây cung biểu thị cho sự vẻ vang của đường quan chức.

Về hình dạng thì thân cung có hình cong và dây cung có đường thẳng. Do đó thân cung biểu thị cho nghĩa “lấy khúc đạo” còn dây cung biểu thị cho nghĩa “lấy trực đạo” cho nên thành tựu được bốn quả Sa Môn và quả vị của 10 Địa.

Bồ Tát Quán Thế Âm dùng Bản Nguyên Từ Bi, cầm cây Cung báu nhằm giúp cho chúng sanh thành công trên quan trường và sau này lưu danh thêm ở cõi Cực Lạc.

Nếu muốn thành tựu Pháp này, Hành Giả làm cây cung dài bốn khuỷu tay đặt trước Bản Tôn, nhớ tướng tay tụng Chú. Xong xoay chuyển cây cung một lần thì tùy theo ý khởi sẽ được thành tựu quan chức ở thế gian hoặc đắc được quả báo Xuất Thế Gian.

3. BẢO KINH THỦ (Tay cầm Quyển Kinh báu)



Thiên Quang Nhân Kinh ghi là: ***“Nếu người cầu đa văn nên tác Pháp Bát Nhã Kinh. Tượng Bát Nhã Quán Tự Tại, tướng tốt đẹp như trên đã nói, chỉ có tay phải để ngang trái tim cầm Trí Ấn xuất sanh Bát Nhã Lý Thủ Kinh, tay trái kết Quyển Ấn”***.



Tượng Ấn là: dùng Phạm Giáp Ấn.



Tượng Ân là: Khai Phu Diệp Ân (ấn bóc cánh sen)

Chân Ngôn là: “**Án, phộc nhật la đạt ma** (Kim Cương Pháp) **sâm bà phệ bát ná ma** (hoa sen trắng) **ni phú nhĩ** (vào hoa tạng dùng dùng trang nghiêm Pháp Thân) **sa phộc ha**”.

ॐ वज्रधर्म संभवश्च ज्ञानम सुख

OM VAJRA-DHARMA (Quy mệnh Kim Cương Pháp) SAMBHAVE PADMA-NIPUNA (phát sanh sự thân tình khéo léo của hoa sen) SVĀHĀ (quyết định thành tựu)

Thiên Thủ Kinh ghi là: “*Nếu muốn được các thứ Công Đức, nên cầu nơi tay cầm Hoa Sen trắng*”

Chân Ngôn là: “**Án, phạ nhật ra, vị ra dã, tát phạ ha**”.

ॐ वज्रवीर्य सुख

OM (Quy mệnh) VAJRA-VĪRAYA (Kim Cương dũng mãnh) SVĀHĀ (viên mãn Phước Trí)

Hoa sen trắng (Puṇḍarika hay Śveta-padma) là loài hoa mọc dưới bùn nước nhưng chẳng bị nhiễm sự nhơ nhớp bẩn thỉu của bùn nước. Màu trắng là màu gốc của các màu nên là nơi nhiễm của các màu nhưng bản thân chẳng hề luy vì các màu đó.

Bồ Tát cũng như hoa sen trắng đó, vì cứu các sắc nhiễm trước của chúng sanh nên tướng bên ngoài như nhiễm các sắc mà thật ra chẳng bị nhiễm bụi phiền não.

Lại nữa, khi đúng thời thì hoa sen hé nở, phô bày nhân quả nên mọi Quả Đức đều dùng hoa sen trắng làm Nhân và tất cả Công Đức đều gọi là **Bạch Pháp** (Śveta-dharma: Pháp trắng). Như vậy hoa trắng tượng trưng cho vạn hạnh và sen tượng trưng cho thành quả. Khi Hạnh mãn thì Quả thành nghĩa là hoa sen trắng tương ứng với mọi Công Đức.

Chân Ngôn là: “**Án, phộc nhật la đạt ma** (Kim Cương Pháp) **tuy la bát nạp mạ** (hoa sen xanh) **ôn nghiệt đá** (sinh) **bột đà vĩ sai uẩn** (Phật Quốc) **sa phộc hạ**”.

ॐ वज्रधर्म नीलपद्म उद्गते बुद्धविषया ह्रं

OM_ VAJRA-DHARMA NĪLA-PADMA UDGATE BUDDHA-VIṢAYA – SVĀHĀ.

-Thiên Thủ Kinh ghi là: “**Nếu muốn được sanh về 10 phương Tịnh Độ, nên cầu nơi tay cầm Hoa Sen xanh**”

Chân ngôn là: “**Án, chỉ rị phạ nhật ra, bộ ra bạn đà, hồng phần tra**”

ॐ ह्रं वज्र सुदृशं ह्रं ह्रं

OM (Cảnh giác) KILI (cấm phạt) VAJRA (Kim Cương) BHŪR BANDHA (cột trời kiên cố) HŪM PHAT (phần nộ giáng phục)

[Bản khác ghi là: OM_ KILI KILI VAJRA BHŪR BANDHA HŪM PHAT]

Hoa sen xanh (Nīla-padma) là loài hoa không lá nên rất nhẹ, nếu bị ném xuống có thể bay mau.

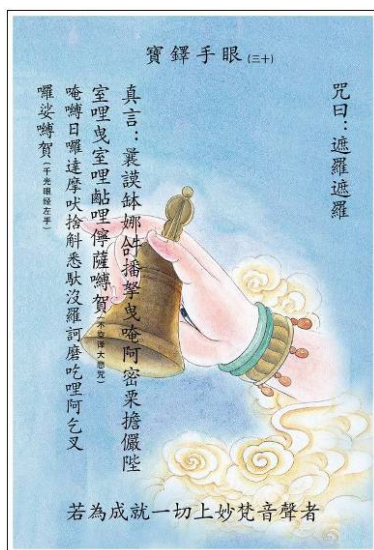
Khi màu đen bị nhiễm bởi màu vàng thì thành màu xanh. Điều này biểu thị **Hắc Nghiệp** (Kṛṣṇa-karma: nghiệp đen) của chúng sinh khi được hào quang màu vàng của chư Phật tế độ khiến thành một thể thì được vãng sanh về Tịnh Thổ của chư Phật.

Lại nữa, hoa sen biểu thị cho sự bất nhiễm, màu xanh là màu của biển lớn. Như vậy hoa sen xanh biểu thị cho sự vượt biển khổ mà sanh vào Phật Quốc. Thuở xa xưa, Đức Thích Ca dùng 7 cành hoa sen xanh cúng dường Đức Phật **Nhiên Đăng** (Dīpaṃ-kara) nên được Vô Sanh Nhân và thường gặp chư Phật ở 10 phương. Do đó hoa sen xanh là vật bậc nhất cúng dường chư Phật.

Bồ Tát Quán Thế Âm dùng Bản Nguyên Từ Bi xông ướp Tam Muội “**Liên Hoa**” nên cầm hoa sen xanh biểu thị cho nghĩa “**Tất cả chúng sinh cúng dường Phật thì được vãng sanh về 10 phương Phật Thổ**”

Hành Giả muốn trừ nghiệp nặng để được vãng sanh thì làm hình hoa sen xanh đặt trước Bản Tôn tụng Chú. Do dùng hoa màu xanh nước biển dâng lên Bản Tôn cho nên vượt được biển khổ.

6. BẢO ĐẠC THỦ (Tay cầm cái Chuông báu)



Thiên Quang Nhân Kinh ghi là: “*Nếu muốn thành tựu Phạm Âm thượng diệu (Âm thanh tiếng Phạm tuyệt diệu) nên tác pháp Bảo Đạc (cái chuông báu nhỏ cầm tay). Tượng Pháp Âm Quán Tự Tại, tướng tốt đẹp uy quang như trước đã nói, xong tay trái cầm cái chuông Kim Cương báu, tay phải nắm quyền đặt ở eo lưng*”



Tượng Ấn là: Dem hai ngón cái vào trong lòng bàn tay, cào nhẹ 3 lần.

Chân Ngôn là: “**Án, phộc nhật la đạt ma (Kim Cương Pháp) phệ xá hộc** (chuông vui hộ) **tất đà một-la ha-ma, ngọt lỵ** (phạm âm thành tựu) **A khất xoa la** (vô tận) **sa phộc hạ**”.

ॐ वज्रधर्म वरुणः (सर्वत्रयं श्रीं) मन्त्राय नमः

OM VAJRA-DHARMA – VEŚA HOH, SIDDHA BRAHMA-HRĪH – AKṢĀYĀ – SVĀHĀ.

Thiên Thủ Kinh ghi là: “*Nếu muốn được tất cả Phạm Âm tốt nhiệm mầu, nên cầu nơi tay cầm chiếc Chuông báu*”

Chân Ngôn là: “**Năng mỗ tát na hàm bà noa duệ. Án, a mật lật đả, nghiêm bệ** **thất trị duệ, thất rị chiêm rị nãnh, tát phạ ha**”

नमो पद्मपानये ॐ श्रीं गम्भीरे श्रीं मालिनी स्वहा

NAMO PADMA-PĀṆAYE (Quy mệnh Liên Hoa Thủ) OM (Nhiếp triệu) AMṚTA GAMBHIRA ŚRĪYE (sự tốt lành thâm sâu của Cam Lộ) ŚRĪ-MĀLĪNĪ (tràng hoa Cát Tường) SVĀHĀ (quyết định thành tựu)

Bảo Đạc (Ratna-ghaṃṭa hay Ratna-veśa) là cái chuông nhỏ dùng tay cầm lắc hoặc gió nhẹ thổi qua thì phát ra âm thanh.

Bồ Tát Quán Thế Âm dùng Bản Nguyên Từ Bi xông ướp âm thanh nên tay cầm cái Chuông báu biểu thị cho nghĩa “Phát ra Diệu Âm”

Nếu tu Pháp này, Hành Giả làm cái Chuông báu đặt trước Bản Tôn, tác niệm tụng Chú Đại Bi cho đến lúc cái chuông tự phát ra tiếng thì thành tựu.

Như Kinh nói: **“Hành Giả tụng trì Đà La Ni này, bao nhiêu âm thanh nói ra, dù thiện dù ác, thì tất cả Thiên Ma, người ... đều tưởng là Pháp Âm thanh tịnh và khởi tâm cung phụng, tôn trọng Hành Giả như Đức Phật”**

7. TỬ LIÊN HOA THỦ (Tay cầm Hoa Sen tím)



_Thiên Quang Nhân Kinh ghi là: **“Nếu người muốn thấy các Như Lai, nên tu pháp Hoa Sen tím. Tượng Kiến Liên Quán Tự Tại, tướng tốt đẹp trang nghiêm như trên đã nói, xong tay phải cầm hoa sen tím, tay trái ngửa lên đặt ở trái tim”**.



Tướng Ấn là: Kết Liên Hoa Hợp Chương như thế hoa nở, rời buồng Ấn.

Chân Ngôn là: “**Ấn, phộc nhật la đát ma (Kim Cương Pháp) nhũ lão la sa bát nạp ma (hoa sen tím) tát phộc bột đà (tát cả Phật) chỉ hoại năng (Trí) sa khát sô tỳ gia (nhìn thấy) sa phộc hạ**”.

ॐ वज्रधर्म संवत्सरे सर्व बुद्धे वज्रपाद सुखे

OM VAJRA-DHARMA – JAMBURA-PADMA – SARVA BUDDHA-JÑANA CAKṢOBHYA – SVĀHĀ.

Thiên Thủ Kinh ghi là: “**Nếu muốn diện kiến tất cả chư Phật 10 phương, nên cầu nơi tay cầm Hoa Sen tím**”

Chân Ngôn là: “**Ấn, tát ra tát ra, phạ nhật ra ca ra, hồng phẩn tra**”

ॐ स्र स्र वज्ररत्नं सुखे

OM (Cảnh giác) SARA SARA (kiên cố, cực kiên cố) VAJRA-KĀRĀ (Kim Cương Chương) HŪM (hộ khắp cả) PHAT (phá bại)

Hoa sen tím (Jambura-padma) là chỗ ngồi của chư Phật 10 phương. Chư Phật đều ngồi ở tòa sen trên Tử Kim Đàn (Đàn màu vàng tía). Nếu ứng cơ đi lại thì dùng mây tím làm điều lành, tay cầm hoa sen tím biểu thị cho chúng sinh trước thấy Phật sau thấy màu tím và cuối cùng là Tử Kim Đàn. Khi Hành Giả thấy tướng này thì đời đời thấy Phật.

Như Kinh nói: “**Ở nơi sinh ra, thấy Phật nghe Pháp**”. Màu tím là màu hòa hợp của đỏ và đen. Màu đen biểu thị cho nghiệp đen của chúng sanh, màu đỏ là màu Đại Bi của Bản Tôn. Vì nghiệp phiền não của chúng sanh chẳng lìa Tâm Từ Bi ngưỡng ái, nên màu tím biểu thị cho sự “bất tịnh bất cấu” hay “phiền não, Bồ Đề hằng lìa một thể”

Lại nữa, màu tím là màu chẳng đỏ chẳng đen, nên biểu thị cho nghĩa “phi hữu phi không”. Do màu đỏ màu đen hòa hợp thành màu tím tức biểu thị cho nghĩa “kiến sắc”, hoa sen biểu thị cho sự vô nhiễm. Vì vậy Hoa Sen Tím biểu thị cho nghĩa “thấy sắc nhưng không nhiễm dính”

Bồ Tát Quán Thế Âm dùng Bản nguyện Từ Bi xông ướp Tam Muội “Liên Hoa” nên cầm hoa sen tím biểu thị cho Thật Tướng của các Pháp nhằm giúp cho chúng sanh đời đời thường gặp Phật.

8. BỒ ĐÀO THỦ (Tay cầm chùm Bồ Đào)



Thiên Quang Nhân Kinh ghi là: *“Nếu vì thành tựu Ngũ Cốc, tất cả thực vật nên tu pháp Bồ Đào. Tượng Hộ Địa Quán tại Bồ Tát, thân tướng tốt đẹp trang nghiêm như trước không khác, chỉ có tay trái cầm chùm Bồ Đào, tay phải là thế Thí Nguyện Khế”*.



Tượng Ân là: Quyển trái đặt ở eo lưng, tay phải duỗi các ngón án trên mặt đất.
 Chân Ngôn là: **“Án, phộc nhật la đạt ma (Kim Cương Pháp) tất đà đạt la nẫm, sa la sa la (địa vị thành tựu) sa phộc hạ”**.

ॐ वज्रधर्मसिद्धधर्मस्वस्वस्व

OM VAJRA-DHARMA – SIDDHA-DHĀRĀṆĀM, SALA SALA- SVĀHĀ

Thiên Thủ Kinh ghi là: *“Nếu muốn có được cây trái ngũ cốc, nên cầu nơi tay cầm chùm Bồ Đào”*.

Chân Ngôn là: **“Án, A ma lã kiêm, đế nễ nãnh, tát phạ ha”**.

ॐ अमलकं जस्रम स्वस्व

OM (nhiếp triệu) AMALAKAM (Vô Cầu Tính: Tính không có dơ bẩn) TEJENI (uy quang) SVĀHĀ (quyết định thành tựu)

Bồ Đào là Tính của Thảo Diệp (cỏ, lá), hình dạng có nhiều loại. Bồ Đào phần nhiều là giống như **Ngọc Tụ** (một đồng châu ngọc) lá có 5 màu: thoát tiên là màu xanh dần dần chuyển thành màu vàng, màu đỏ, màu đen cho đến lúc nóng khô lại trở thành màu trắng. Đặt biệt là nóng lạnh không làm cho Bồ Đào bị hư hoại. Do đó, Bồ Đào biểu thị cho nghĩa “chẳng tổn hoại lúa nếp” tức là làm cho trái cây tăng trưởng.

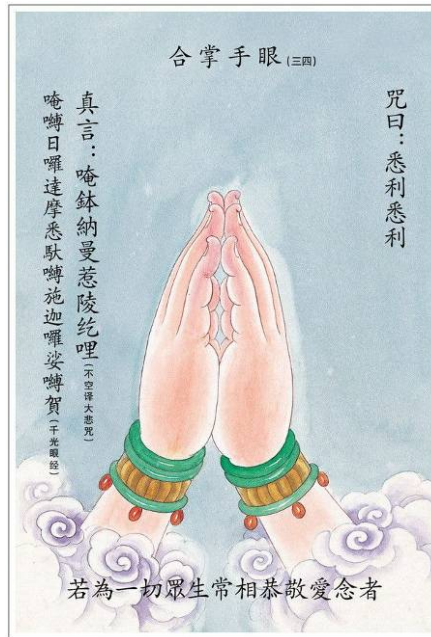
Bồ Tát Quán Thế Âm dùng Bản nguyện Từ Bi xông ướp “Phước Đức Môn” nên tay cầm loại thảo dược này biểu thị cho nghĩa “chẳng làm lúa nếp hư hoại”

Muốn thành tựu Pháp này, Hành Giả làm hình chùm Bồ Đào đặt trước Bản Tôn. Xong niệm Chú vào nước đem rưới vẩy lên cây lá thì được thành tựu.

Như Kinh nói: *“Mưa tuôn thấm nhuần thì thảo thực sinh trưởng”*

IV_ TÁM TAY THUỘC LIÊN HOA BỘ

1. HỢP CHUỖNG THỦ (Tay Hợp Chưởng)



Thiên Quang Nhân Kinh ghi là: ***“Nếu cầu được người kính yêu, nên tu pháp Hợp Chưởng. Tượng Hiện Kính Quán Tự Tại Bồ Tát, tướng tốt đẹp trang nghiêm như trước không khác, chỉ có hai tay để ngay trái tim tác Liên Hoa Hợp Chưởng”.***



Tượng Ấn là: như tay Ấn của Tượng.

Chân Ngôn là: “**Ấn, phộc nhật la đạt ma (Kim Cương Pháp) tất đà phộc thi ca la** (thành tựu kính ái) **sa phộc hạ**”.

ॐ वज्रधर्म (सर्व वज्रधर्म) सूक्त

OM_ VAJRA-DHARMA – SIDDHA VAŚIKARAṆA – SVĀHĀ.

Thiên Thủ Kinh ghi là: “**Nếu muốn cho tất cả chúng sinh thường cung kính yêu nhau, nên cầu nơi tay Hợp Chưởng**” .

-Chân Ngôn là: “**Ấn, bát rị nạp mạng nhá lăng, hạt rị**”.

ॐ पद्म जलिः

OM_ PADMA-JALIM (Quy mệnh Liên Hoa Hợp Chưởng) HRĪḤ (chủng tử của Liên Hoa Bộ)

Trong Tạng Bản lại có Chân Ngôn: “**Ấn, vĩ tát ra, vĩ tát ra, hồng phần tra**” (OM_ VISARA VISARA HŪM PHAT)

Hợp Chưởng là chấp tay Định Tuệ biểu thị cho **Nhất Tử Từ Bi** (thương yêu tất cả chúng sinh như đứa con một của mình) nghĩa là ái niệm, cung kính, kính ái

Như Kinh nói: “**Tay phải, tay trái cùng hợp với nhau nên biểu thị cho nghĩa ÁI, đặt ngay trái tim có nghĩa là KÍNH**”

Hành Giả đặt trước Bản Tôn, tác Liên Hoa Hợp Chưởng, tụng Chú khởi Tâm xót thương tất cả chúng sanh thì thành tựu được ước muốn. Vì Bản Tôn cung kính Tâm ái niệm của Hành Giả cho nên tất cả chúng sanh cũng cung kính Hành Giả.

2.BẢO KÍNH THỦ (Tay cầm cái Gương báu)



Thiên Quang Nhân Kinh ghi là: “**Nếu người cầu Trí Huệ nên tu pháp cái Gương báu. Tượng Kính Trí Quán Tự Tại Bồ Tát, tướng tốt đẹp uy quang như trên đã nói, chỉ có tay trái để ngang trái tim cầm cái Gương báu hướng ra ngoài, tay phải kết Trí Quyển Ấn**”.



Tượng Ân là: Tay phải nắm quyền đặt ở eo, tay trái mở duỗi ra nâng lên trước mặt. Thấy Ân này tưởng thấy Đại Viên Kính Trí.

Chân Ngôn là: “**Ân, phộc nhật la đật ma (Kim Cương Pháp) tát phộc tát địa (thành tựu tất cả) ma ha chỉ nhưng năng (Đại Trí Tuệ) sa phộc hạ**”.

ॐ वज्रधर्म सर्व सिद्धि महानिदान स्वहा

OM_ VAJRA-DHARMA – SARVA SIDDHI MAHĀ-JÑĀNA – SVĀHĀ.

_Thiên Thủ Kinh ghi là: “**Nếu muốn được Đại Trí Tuệ, nên cầu nơi tay cầm Gương báu**”.

Chân Ngôn là: “**Ân, vĩ tát phồ ra na ra các xoa, phạ nhật ra, mạn trà la, hồng phẩn tra**”.

ॐ विसृज्यते वज्र मण्डलं कुरु

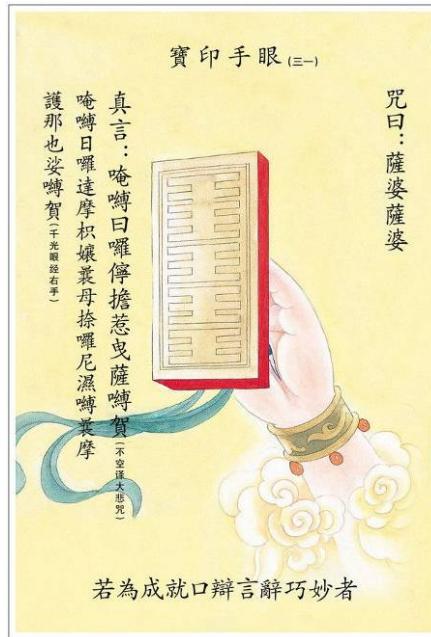
OM (cánh giác) VISPHURAD RAKṢA (Hộ vệ bao phủ khắp) VAJRA MAṆḌALA (Kim Cương Đạo Trường) HŪM PHAT (ủng hộ phá bại)

Cái Gương là vật phản ảnh rõ ràng thông suốt muôn vật nên được ví dụ cho Trí Tuệ. Gương báu biểu thị cho Đại Viên Kính Trí là Trí Tuệ vô ngại vô tư nhận biết mọi sự vật đúng theo bản tính chân thật của chúng.

Bồ Tát Quán Thế Âm dùng Bản Nguyện Từ Bi xông ướp Trí Tuệ Môn nên tay cầm cái gương báu nhằm giúp cho chúng sanh giác ngộ được nghĩa thú thâm sâu của các Pháp.

Hành Giả đặt cái gương tròn trước Bản Tôn, tụng Chú thì giác ngộ được nghĩa thú thâm sâu của Chánh Pháp mà mình đã nghe thấy. Nếu trong gương hiện các sắc tượng thì ở **Nhất Thiết Trí** không gì không phân biệt được. Thiện Tài Đồng Tử sẽ làm bậc Thiện Tri Thức hướng dẫn tu tập Chánh Pháp.

3. BẢO ÁN THỦ (Tay cầm cái Ấn báu)



Thiên Quang Nhân Kinh ghi là: “Nếu muốn thành tựu Diệu Biện Tài (biện thuyết khéo léo) nên tác pháp Bảo Ấn. Tượng Trí Ấn Quán Tự Tại Bồ Tát, tướng tốt đẹp trang nghiêm như trên không khác, chỉ có tay trái đặt trên trái tim cầm hình Ấn báu, tay trái nắm quyền đặt ở eo”.



Tướng Ấn là: Dùng tay phải ấn lên trái tim.

Chân Ngôn là: “**Ấn, phộc nhật la đạt ma (Kim Cương Pháp) chỉ nương năng mẫu lật la (Trí Ấn) ni thấp phộc năng (Pháp của mọi loài) ma hộ na dã (rộng lớn) sa phộc hạ**”.

ॐ वज्रधर्म कुनसुव अश्वन मन्मथ सुन

OM VAJRA-DHARMA JÑĀNA-MUDRA VIŚVANA MAHĀ-NĀYA – SVĀHĀ.

Thiên Thủ Kinh ghi là: “**Nếu muốn được miệng nói biện luận hay khéo nên cầm nơi tay cầm chiếc Ấn báu**”.

Chân Ngôn là: “**Ấn phạ nhật ra, nãnh đả nhạ duệ, tát phạ ha**”

ॐ वज्र कुं नय सुन

OM VAJRA-JITAM (Quy mệnh Kim Cương Thắng) JAYE (vượt thắng) SVĀHĀ (quyết định thành tựu)

ẤN (Mudra) là con dấu dùng thay mặt cho một người, một cơ quan, một ý nghĩa nào đó.

Bảo Ấn (Ratna-mudra) là báu của Bát Nhã hay Ấn Ngôn bí mật của chư Phật nên biểu thị cho sự biện tài của khẩu nghiệp. Mặt trái của Bảo Ấn có chữ HRĪḤ (ॐ) là chủng tử của Liên Hoa Bộ Trí Tuệ Môn nên hàm chứa Đức “**Thuyết Pháp đoạn Nghi**”

Lý Thú Thích ghi: “**Công năng của chữ HRĪḤ là dùng chữ này gia trì ở Thế Giới Cực Lạc thì nước, chim, rìngđều diễn nói Pháp**” .

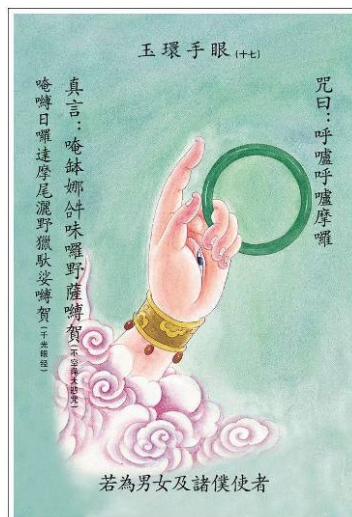
Vì thế chữ HRĪḤ là Đức của Khẩu Nghiệp. Do giúp ích chúng sinh thành tựu sự xảo diệu của Khẩu Nghiệp mà mặt trái của Bảo Ấn có chữ HRĪḤ .

Bồ Tát Quán Thế Âm dùng bản Nguyên Từ Bi xông ướp Tam Muội “Bảo Ấn” nên tay cầm Ấn báu biểu hiện Trí Khé, biểu hiện cho nghĩa “**không ngưng trệ**” nhằm giúp cho chúng sinh thành tựu sự biện tài của Khẩu Nghiệp.

Hành Giả làm cái Ấn báu, đối trước Bản Tôn tụng Đại Bi Chú, xông ấn lên trái tim, tức được thành tựu.

Như Kinh nói: “**Nếu chẳng được vô lượng biện tài Ta (Quán Thế Âm Bồ Tát) thề chẳng thành Chánh Giác**”

4. NGỌC HOÀN THỦ (Tay cầm Vòng Ngọc)



Thiên Quang Nhân Kinh ghi là: “*Nếu cầu nam nữ tôi tớ nên tu hành pháp cái Vòng Ngọc. Tượng Trì Hoàn Quán Tự Tại Bồ Tát, tướng tốt đẹp uy quang như trước đã nói. Chỉ có tay trái để ở trái tim cầm Vòng Ngọc, tay phải che trên vòng ngọc như cái lọng*”.



Tượng Ấn là: Dùng tay trái nắm cổ tay phải, cũng dùng tay phải nắm cổ tay trái. Bên trái biểu thị cho nữ, bên phải biểu thị cho nam.

Chân Ngôn là: “**Án, phộc nhật la đạt ma (Kim Cương Pháp) vĩ sái dã (cảnh giới) liệt đà (gặt được) sa phộc hạ**”.

ॐ वज्रधम खषयषय षड

OM VAJRA-DHAMA VIŞAYA PRĀPTA – SVĀHĀ.

Thiên Thủ Kinh ghi là: “*Nếu muốn tôi tớ trai gái để sai khiến, nên cầu nơi tay cầm chiếc Vòng Ngọc*”.

Chân ngôn là: “**Án, bát na hàm vị ra dã, tát phạ ha**”

ॐ पद्म वीर्य षड

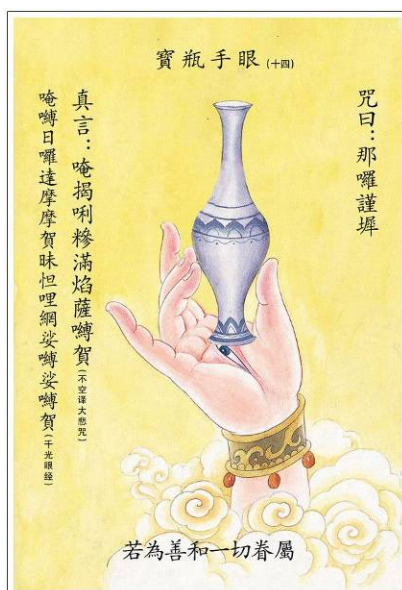
OM (Quy mệnh) PADMA-VĪRAYA (Liên Hoa Tinh Tiến) SVĀHĀ (Viên mãn Cát Tường)

Ngọc Hoàn là vòng ngọc quý dùng để trang sức. Nếu dùng vàng bạc trang nghiêm thì gọi là kim tóa (cái khóa bằng vàng) nên Ngọc Hoàn biểu thị cho nghĩa Hệ triền (trói buộc)

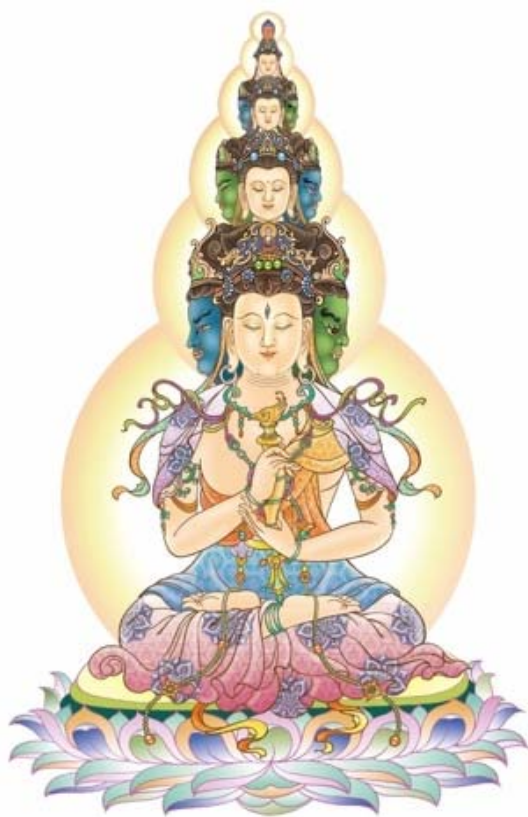
Bồ Tát Quán Thế Âm dùng bản Nguyệt Từ Bi cầm vật báu này biểu thị cho nghĩa **Hệ Triền** (ràng buộc) nhằm giúp cho chúng sinh cầu con cái hay tôi tớ để phụ giúp và giữ gìn sự nghiệp. Nếu biết đúng sự thật hay không thì dùng cái Vòng này thử.

Hành Giả dùng vàng, bạc, đồng ... làm hai cái vòng giao nhau như khoen xích, đặt trước Bản Tôn, tu niệm tụng Pháp thì được như nguyện.

5. HỒ BÌNH THỦ (Tay cầm cái Hồ Bình)



Thiên Quang Nhân Kinh ghi là: ***“Nếu muốn cầu quyền thuộc hòa thuận an lành, nên tu pháp Hồ Bình. Tượng Trì Bình Quán Tự Tại, tướng tốt đẹp uy quang như trên đã nói, chỉ có tay phải cầm cái Hồ Bình, đầu cái bình như đầu chim Kim Xí Điểu, tay trái để trên rốn hương lên trên thành thể nhận cái Hồ Bình”*** .





Tượng Ân là: Liên Hoa Hợp Chương , hợp cổ tay
 Chân Ngôn là: “**Án, phộc nhật la đát ma** (Kim Cương Pháp) **sa phộc bà phộc**
 (tự tính) **một la ha ma mầu đồ bà** (Phạm Thiên) **sa phộc hạ**”.

ॐ वज्रधर्म सुस्रव वद्वसुद्ध व सुद

OM VAJRA-DHARMA (Quy mệnh Kim Cương Pháp) SVABHĀVA
 BRAHMĀM UDBHAVA (Tự Tính sanh ra Phạm Thiên) SVĀHĀ (Quyết định thành
 tựu)

Thiên Thủ Kinh ghi là: “*Nếu muốn sinh lên cõi Phạm Thiên, nên cầu nơi tay
 cầm Bình Quân Trì*”

Chân Ngôn là: “**Án, phạ nhật ra, thế khế ra hê tra hàm tra**”

ॐ वज्र अरि त्र म

OM VAJRA-ŚIKHARA (Quy mệnh Kim Cương Đỉnh Kế) RAṬ (Hét lớn)
 MAṬ (Trì hoãn ,chậm chạp)

Quân Trì là dịch âm từ tiếng Phạn Kuṇḍali. Đường dịch là cái Bình Quân Trì
 gọi đủ là Quân Chùy Ca, tức là Phạm Bình, hay là Táo Bình (cái bình chứa nước rưới
 vẩy, tắm gội)

Quân Trì là cái bình chứa nước, có mở thêm một cái vòi bên cạnh. Người xưa
 nói Quân Trì là Bình Tam Ma Gia của Phạm Thiên, vì lúc Phạm Thiên tạo lập Thế
 Giới thì cái bình này chứa đầy công năng của vạn vật.

Bồ Tát Quán Thế Âm dùng bản Nguyên Từ Bi xông ướp Tam Muội Vương, nên
 cái bình này biểu thị cho nghĩa “sanh Phạm Thiên”

Thiên Quang Nhân Kinh ghi là: *“Nếu người cầu Từ Bi, nên tác pháp Tích Trượng. Tượng Từ Trượng Quán Tự Tại Bồ Tát, tướng tốt đẹp trang nghiêm như trên đã nói, chỉ có tay phải cầm cây Tích Trượng, tay trái để trên rốn ...”*



Tượng Ấn là: Hai tay cài buộc bên trong, Hỏa Luân (ngón giữa) vững chắc viên mãn như hình Tích Trượng

Chân Ngôn là: **“Án, phộc nhật la đạt ma (Kim Cương Pháp) tam muội gia (Bản Thệ) ma ha cô lỗ ni ca gia (Đầy đủ Tâm Đại Bi) sa phộc ha”**.

ॐ वज्रधर्म समय मन्त्रे नमो नमः

OM_ VAJRA-DHARMA – SAMAYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA- SVĀHĀ.

Thiên Thủ Kinh ghi là: *“Nếu vì lòng Từ Bi muốn cho tất cả chúng sinh được nhờ sự che chở giúp đỡ, nên cầu nơi tay cầm cây Tích Trượng”*.

Chân Ngôn là: **“Án, na lật thế, na lật thế, na lật tra bát đề, na lật đế na dạ bát nãnh, hồng phẩn tra”**.

ॐ नृत्ति नृत्ति नृत्तिपति नृत्तिपति नमः नमः

OM (cảnh giác) NṚTI NṚTI (Vũ: múa) NṚTA-PATI (Chủ của điệu múa) NṚTYA-PĀṆI (Bàn tay của điệu múa) HŪM PHAṬ (hộ khắp, phá bại khắp)

Ghi chú: NṚTI (điệu múa) biểu thị cho Thần Thông Du Hý và hóa độ của các đấng giải thoát)

Tích Trượng gồm có Bồ Tát Trượng biểu thị cho sáu Độ, Thanh Văn Trượng biểu thị cho 4 Đế, Duyên Giác Trượng biểu thị cho 12 Duyên.

Tích Trượng ở đây là Bồ Tát Trượng gồm có sáu cái vòng, vây quanh tháp Suất Đồ Ba (Stūpa) biểu thị cho sáu Độ vây quanh tướng Tam Muội Gia của Bản Tôn.

Bồ Tát Quán Thế Âm dùng Bản nguyện Từ Bi xông ướp Tam muội “Phổ Hiện Sắc Thân” mà cầm cây Bồ Tát Trượng biểu thị cho nghĩa che chở giúp đỡ cho tất cả chúng sinh trong ba cõi sáu đường.

Muôn tác thành tựu Pháp này, Hành Giả làm cây Bồ Tát Trượng đứng trước Bản Tôn, tác tướng tay tụng Chú. Sau đó cầm cây gậy rung lắc để phát ra âm thanh và xướng danh Từ Bi lục Độ tức được thành tựu. Vì Bồ Tát Trượng lấy sáu Độ làm Thể nên ngay trong đời này có thể chứng Bồ Tát vị mà cứu chúng sinh .

Như Kinh nói: **“Thường biết nghĩ Từ Bi luôn dùng Đà La Ni cứu chúng sinh”**

V. TÁM TAY THUỘC YẾT MA BỒ

1. THIẾT CÂU THỦ (Tay cầm cây Thiết Câu)



_Thiên Quang Nhân Kinh ghi là: **“Nếu muốn Trời, Rồng, Thiện Thần đến gia hộ, nên tác pháp Thiết Câu. Tượng Câu Triệu Quán Tự Tại Bồ Tát, tướng tốt đẹp trang nghiêm như trên đã nói, chỉ có tay trái cầm cái móc câu, tay phải nắm quyền đặt ở eo”**.



tướng tốt đẹp trang nghiêm như trước không khác, chỉ có hai tay Quyền, trên đỉnh đầu đặt vị Hóa Phật”.



Tướng Ân là: Hai tay cài buộc bên trong, dựng kèm hai ngón cái đè lên bên cạnh ngón trỏ. Ân đặt ở đỉnh đầu rồi bung Ân.

Chân Ngôn là: “**Án, phộc nhật la đạt ma (Kim Cương Pháp) tỳ trụ giả (Quán Đỉnh) bát la để xa (truyền cho) bồ đà đạt la nẫm (Phật địa) sa phộc hạ**”.

ॐ वज्रधर्म मन्त्रिण्ये वज्रक वृक्षे नमः ह्रस्व

OM VAJRA-DHARMA ABHISAIIKA PRATICCHA BUDDHA DHĀRAĀM – SVĀHĀ.

Thiên Thủ Kinh ghi là: “**Nếu muốn 10 phương chư Phật mau đến xoa đầu thọ ký, nên cầu nơi tay Đỉnh Thượng Hóa Phật**”.

Chân Ngôn là: “**Án, phạ nhật rị ni, phạ nhật lăm nghệ, tát phạ ha**”.

ॐ वज्रः वज्रं ह्रस्व

OM (Quy mệnh) VAJRA VIH (Kim Cương Tối Thắng) VAJRAMGE (Kim Cương Thân) SVĀHĀ (Viên mãn Cát Tường)

Tay Đỉnh Thượng Hóa Phật là hai tay nâng một vị Hóa Phật để trên đỉnh đầu. Vị Hóa Phật ở trên đỉnh đầu biểu thị cho nghĩa “Quán Đỉnh Thọ Ký”

Đồ hình tuy chỉ dùng một vị Phật, nhưng thật ra bao gồm tất cả chư Phật mười phương. Vì một khi Đức Phật đến xoa đầu thọ ký thì chư Phật đều âm thầm gia hộ. Đây là tướng “**phi nhân phi quả**”. Với vị Hóa Phật biểu thị cho “**phi nhân**”, Bồ Tát biểu thị cho “**phi quả**”, do đó Tướng này biểu thị nghĩa “**nhân quả bất nhị, lý trí nhất thể**”

Bồ Tát Quán Thế Âm dùng Bản Nguyên Từ Bi xông ướp Tam Muội Quán Đỉnh, nên hiện tay này biểu thị cho nghĩa “**xoa đầu thọ ký khiến cho mau chóng thành Phật**”

Hành Giả khi theo Thầy Quán Đĩnh, y theo Bảo Bộ đội Liên Hoa Man (vòng hoa sen) trong Liên Hoa Man an tượng Hóa Phật. Khi Hành Giả tác niệm tụng Chú thì vị Hóa Phật ấy sẽ xoa đầu mà thọ ký cho Hành Giả mau chóng thành Phật

3.SỔ CHÂU THỦ (Tay cầm Tràng Hạt)



Thiên Quang Nhân Kinh ghi là: “*Nếu muốn Chư Phật đến trao vào tay, nên tu pháp Sổ Châu (tràng hạt). Tượng Niệm Châu Quán Tự Tại Bồ Tát, tướng tốt đẹp trang nghiêm như trước không khác, chỉ có tay phải cầm chuỗi Tràng Hạt, tay trái đặt ở đầu gối như thế xoa*”.



Tướng Ấn là: Hai tay phải trái cầm chuỗi Tràng Hạt trì niệm, đội lên đỉnh đầu ba lần, làm tướng Quy Mệnh.

Chân Ngôn là: “**Án, phộc nhật la đát ma** (Kim Cương Pháp) **tát phộc đát tha nghịệt đa** (tất cả Như Lai) **nhập phộc la** (Quang minh) **bồ nhạ** (tay) **mẫu lật la hàm** (ấn lên tôi) **sa phộc hạ**”.

ॐ वज्रधर्म सर्व तथगत ज्वालाभुजा मुद्रा

OM VAJRA-DHARMA SARVA TATHĀGATA-JVALA-BHŪJA MUDRA MĀM- SVĀHĀ.

Thiên Thủ Kinh ghi là: “*Nếu muốn mười phương chư Phật sớm đến đưa tay tiếp dẫn, nên cầu nơi tay cầm Xâu Chuỗi ngọc*”.

Chân Ngôn là: “**Năng mờ ra đát năng đát ra dạ dã. Án, a na hạ đế, vĩ nhạ duệ tất địa, tất đà lật thế, tát phạ ha**”.

ॐ नमो रत्ना-त्रयाया ॐ शिवराज रत्नय महे महेय हरे

NAMO RATNA-TRAYĀYA (Quy Mệnh Tam Bảo)

OM (Nhiếp triệu) ANAVATI-VIJAYE SIDDHI (đời sống đầy đủ sự thành tựu tối thắng) SIDDHĀRTHE (thành tựu tất cả nghĩa lợi) SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)

Sô châu là xâu chuỗi có số lượng hạt hạn định dùng để lễ Phật, niệm Phật theo ký số. Đây là tiêu xí của chư Phật biểu thị cho nghĩa “**Trao vào trong tay**”

Vì đây là pháp Quán Âm Liên Hoa Bộ, nên sô châu gồm 108 hạt sen biểu thị cho 108 phiền não với Mẫu Châu biểu thị cho Đức Phật A Di Đà hoặc các vị Quán Âm. Khi tụng Chú, lấy một hạt châu trừ một phiền não tức là tạo một hạt giống của chư Phật, cho nên hạt châu còn biểu thị cho quả vị Bồ Tát. Như vậy các hạt châu hai bên phải trái của Mẫu Châu còn biểu thị cho hai loại Phước Trí trang nghiêm.

Bồ Tát Quán Thế Âm dùng bản nguyện từ bi cầm xâu chuỗi ngọc biểu thị cho nghĩa “*Chư Phật mau trao vào tay*”.

Muốn thành tựu Pháp này, Hành Giả ở trước Bản Tôn, tụng Chú Đại Bi. Sau đó hai tay nâng **niệm châu**, quán tưởng chư Phật mười phương đều đến trao vào tay khiến cho không bị sự khủng bố và mau chóng tăng trưởng hạt giống Giải Thoát.

4. BẢO LOA THỦ (Tay cầm cái Loa báu)



Thiên Quang Nhân Kinh ghi là: “*Nếu vì hộ triệu tất cả Thiện Thần đến phù hộ, nên tu pháp Bảo Loa. Tượng Trì Loa Quán Tự Tại, tướng tốt trang nghiêm như trước diễn nói, tay trái cầm cái Loa báu, tay phải nắm quyền duỗi ngón Phong (ngón trỏ) làm thế kêu gọi*”.



Tượng Ân là: chắp hai tay lại giữa rỗng, co hai ngón Phong (hai ngón trỏ) đều buộc ở lưng hai ngón cái, hai Không (hai ngón cái) đều ló giữa khe của hai ngón trỏ và giữa, dùng miệng làm thế thổi.

Chân Ngôn là: “**Ân, phộc nhật la đạt ma (Kim Cương Pháp) ma ha đạt ma** ngọt ly (Đại Pháp Âm) **Âm** (trần khắp cả) **tát phộc đề bà năng nga** (tất cả Trời Rồng) **duợc khát xoa** (Dạ Xoa) **duệ ế duệ tứ** (mau đến) **la khát xoa la khát xoa hàm** (ủng hộ) **sa phộc ha**” .

ॐ वज्रधर्म मन्त्रधर्म श्रीं शं सर्वदेव गण यक्ष ऽक्षरु [रु [रुं
सुन

OM VAJRA-DHARMA MAHĀ-DHARMA HRĪḤ AM SARVA DEVA NĀGA YAKṢA EHYEHI RAKṢA RAKṢA MĀM SVĀHĀ.

Thiên Thủ Kinh ghi là: “*Nếu muốn triệu tất cả chư Thiên Thiện Thần, nên cầu nơi tay cầm cái Loa báu*”.

Chân Ngôn là: “**Ân, thương yết lệ, ma hạ thắm mãn diệm, tát phạ ha**”.

ॐ संकट मन्त्र मन्त्र सुन

OM (cảnh giác) SAMKARE (chính tác) MAHĀ-SAMAYAM (Đại Bản Thệ) SVĀHĀ (quyết định thành tựu)

Bảo Loa (Ratna-saṅkha) là vật dùng để thổi, phát ra âm thanh lớn. Như phong tục của đất nước kia, khi người đi đường vào núi thổi loa kêu gọi bạn bè thì mọi người đều đến. Nay hô chư Thiên, Thiện Thần cũng vậy .

Hành Giả đặt một cái Loa báu trước Bản Tôn, tụng Chú sau đó chuyển sang bên phải ba lần rồi đặt trên tay trái, ghé miệng thổi. Xong phát **lời Thề lớn** (Đại Thệ) thì chư Thiên, Thiện Thần đến trừ tai chướng. Đây là Chính Đạo, hoặc ở núi rừng, hoặc ở một mình thì có thể tu Pháp này.

5. BẢO TIỀN THỦ (Tay cầm Mũi Tên báu)



_Thiên Quang Nhân Kinh ghi là: **“Nếu muốn được bạn lành, nên tu pháp Mũi Tên báu. Tượng Tóc Trọc Quán Tự Tại, tướng tốt đẹp trang nghiêm như trước không khác, chỉ có tay phải cầm Mũi Tên, đặt đầu mũi tên lên tay trái”** .



Tướng Ấn là: Tay phải nắm quyền, bung ngón trỏ ngón giữa, dùng Ấn làm thế kêu gọi.

Chân Ngôn là: “**Ấn, phộc nhật la đạt ma** (Kim Cương Pháp) **la đạt na kiếm noa** (mũi tên báu) **man thù** (diệu âm) **tát đạt bà** (chúng sanh) **duệ ế duệ tú** (mau lại) **la ngã la ngã** (ái nhiễm, ái nhiễm) **sa phộc ha**”.

ॐ वज्रधर्म रत्नकण्डा मञ्जुसत्वा एहेहि

OM VAJRA-DHARMA – RATNA-KANḌA MAṂJU-SATVA EHYEHI
RĀGA RĀGA – SVĀHĀ.

Thiên Thủ Kinh ghi là: “*Nếu muốn được mau gặp các bạn lành, nên cầu nơi tay cầm Tên báu*”.

Chân Ngôn là: “**Ấn, ca ma lã, tát phạ ha**”.

ॐ कमल सहज

OM (nhiếp triệu) KAMALA (người bạn đời tuyệt hảo) SVĀHĀ (quyết định thành tựu)

Mũi Tên (KANḌA) là binh khí có tính nhanh chóng. Mũi tên có năm đức là:

- 1_ Phi hành tự tại
- 2_ Nhanh chóng
- 3_ Cùng gặp (đích)
- 4_ Đứng vững
- 5_ Đã đứng thì không sửa đổi

Năm đức này biểu thị 5 đức tính của người bạn tốt là:

- 1_ Quảng đại khoan hồng
- 2_ Kịp thời bảo vệ bạn trong cơn nguy khốn
- 3_ Thường luận bàn và xây dựng cho nhau
- 4_ Luôn luôn nhã nhặn khiêm tốn với gia đình bạn
- 5_ Có tinh thần bình đẳng và luôn luôn thành thật.

Lại nữa, mũi tên là dụng cụ của cây cung, tùy theo sức bật của dây cung mà mũi tên nhanh chóng đi xa hoặc gần.

Hiện tượng này biểu thị cho nghĩa “bạn lành”

Do cung tên luôn kết thành một đôi để dùng, nên biểu thị cho nghĩa thân cận của bằng hữu.

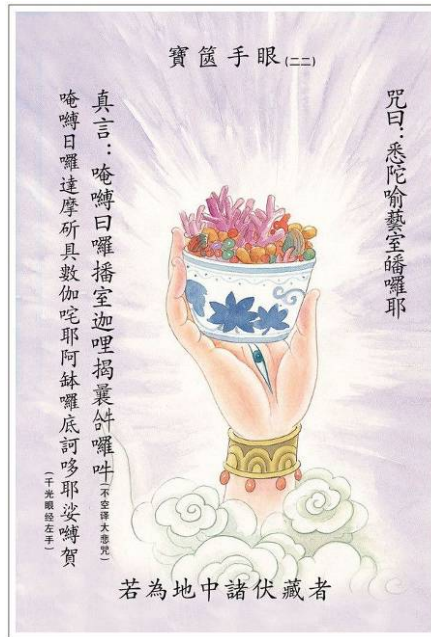
Ở phương Tây (Ấn Độ) người ta hay dùng mũi tên tặng bạn bè để tỏ tình thân ái.

Như vậy, mũi tên biểu thị cho ý “**tìm bạn lành**” và gọi là “**ái nhiễm tiền**” (Rāga-kaṇḍa) như **Ái Nhiễm Minh Vương** (Rāga-vidya-rāja) dùng mũi tên Đại Bi (Mahā-kāraṇa-kaṇḍa) bắn các Ác Chương của chúng sanh mà thành nghĩa **Kính Ái** (Vaśikaraṇa)

Quán Thế Âm Bồ Tát dùng Bản Nguyện Từ Bi cầm Mũi Tên báu hiển thị cho nghĩa Pháp **Kính Ái tác Ái Nhiễm**.

Hành Giả dùng hình Mũi Tên báu đặt trước Bản Tôn, tác niệm tụng Chú Đại Bi. Sau đó, dùng hai tay nâng mũi tên, tụng Chú thì mau chóng thành tựu.

6. BẢO KHIẾP THỦ (Tay cầm cái Rương báu)



_Thiên Quang Nhân Kinh ghi là: “*Nếu muốn thấy kho tàng ở trong lòng đất, nên tu pháp cái Rương báu. Tượng Kiến Ân Quán Tự Tại, tướng tốt đẹp uy quang như trên đã nói, chỉ có tay trái cầm cái Rương báu, tay phải làm thế mở nắp rương*”.



Thiên Quang Nhân Kinh ghi là: “*Nếu người muốn sai khiến tất cả Quỷ Thần, nên tác pháp Độc Lâu (cây gậy đầu lâu). Tượng Phộc Quỷ Quán Tự Tại Bồ Tát, tướng tốt đẹp trang nghiêm như trước đã nói, chỉ có tay phải cầm cây gậy Đầu Lâu, quyền trái đặt ở eo*”.



Tượng Ân là: Quyền trái đặt ở eo, co cánh tay phải đưa lên tác Kim Cương Quyền, dùng Ân làm thế triệu mời .

Chân Ngôn là: “**Án, phộc nhật la đạt ma (Kim Cương Pháp) noa sũ dã ma tát phả đà la** (đầu người chết) **tất phộc nghiệt la ha** (tất cả Quỷ) **A phộc xả** (thu nhiếp cột trời) **sa phộc hạ**”.

ॐ वज्रधर्म मृगमन्थ मसू वरि मङ्गल मरिचि मङ्ग

OM VAJRA-DHARMA – MR̥TA-MANUṢYA-MĀSPHA (đầu người chết) DHĀRA SARVA GRAHĀ (tất cả Quỷ chấp trì) AVIṢA (cột trời) SVĀHĀ (viên mãn tốt lành)

Thiên Thủ Kinh ghi là: “*Nếu muốn sai khiến tất Quỷ Thần, nên cầu nơi tay cầm cây gậy Đầu Lâu*”.

Chân Ngôn là: “**Án, độ năng, phạ nhật ra, xá**”.

ॐ वृ ष वृ ष ष

OM (Ba thân) DHUNA (giật lắc, chấn động) VAJRA HAḤ (nhân chủng Kim Cương)

Độc Lâu là xương đầu của người chết, là nơi Quỷ chấp dính vì thế độc lâu có nghĩa là Chấp Quỷ (dính với quỷ)

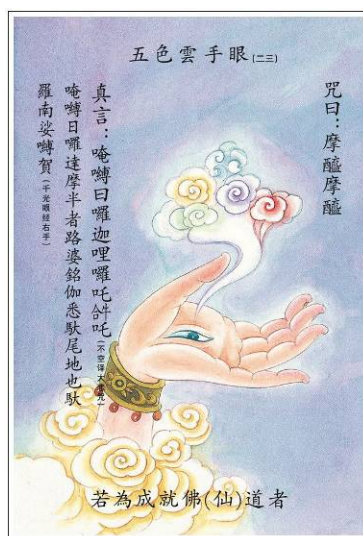
Từ ý nghĩa này mà sắc lệnh Quỷ Thần cũng như **Lỗ Đà La** (Rudra) đều ở chỗ giữ Độc Lâu, khiến ai trông thấy cũng sợ hãi.

Quỷ có ba loại là: Quỷ ở mặt đất, Quỷ trên hư không, Quỷ ở dưới nước. Do hàng phục ba loại Quỷ này mà trên Độc Lâu có đặt hình Tam Cô .

Bồ Tát Quán Thế Âm đem sức Thiện Căn Từ Bi dùng cây gậy Đầu Lâu biểu thị sự giáng phục Quỷ Thần, giúp cho chúng sinh xa lìa sự sợ hãi.

Hành Giả ở dưới ĐÀN, trước Bản Tôn tụng Chú thì các nhóm Quỷ Thần đều sợ hãi, riêng Hành Giả đạt được sự vô úy vậy .

8. NGŨ SẮC VÂN THỦ (Tay hóa Mây Ngũ Sắc)



Thiên Quang Nhân Kinh ghi là: *Nếu người vì thành tựu pháp Tiên, nên tu pháp đám Mây Ngũ Sắc. Tượng Tiên Vân Quán Tự Tại, tướng tốt đẹp trang nghiêm như trước nói. Chỉ có tay phải cầm đám Mây Ngũ Sắc, tay trái nâng lên trên cầm thẳng cái áo khoác ngoài (thiên y) để mặc”.*



Tượng Ấn là: Hai tay phải trái kết Vũ Khế (ấn múa) làm tướng bay.

